

BAN TUYẾN GIÁO TRUNG ƯƠNG ĐẢNG



TÀI LIỆU HỎI - ĐÁP



**VỀ CÁC VĂN KIỆN HỘI NGHỊ LẦN THỨ NĂM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
KHÓA XIII**

(Dùng cho đoàn viên, hội viên
các tổ chức chính trị - xã hội và tuyên truyền trong nhân dân)

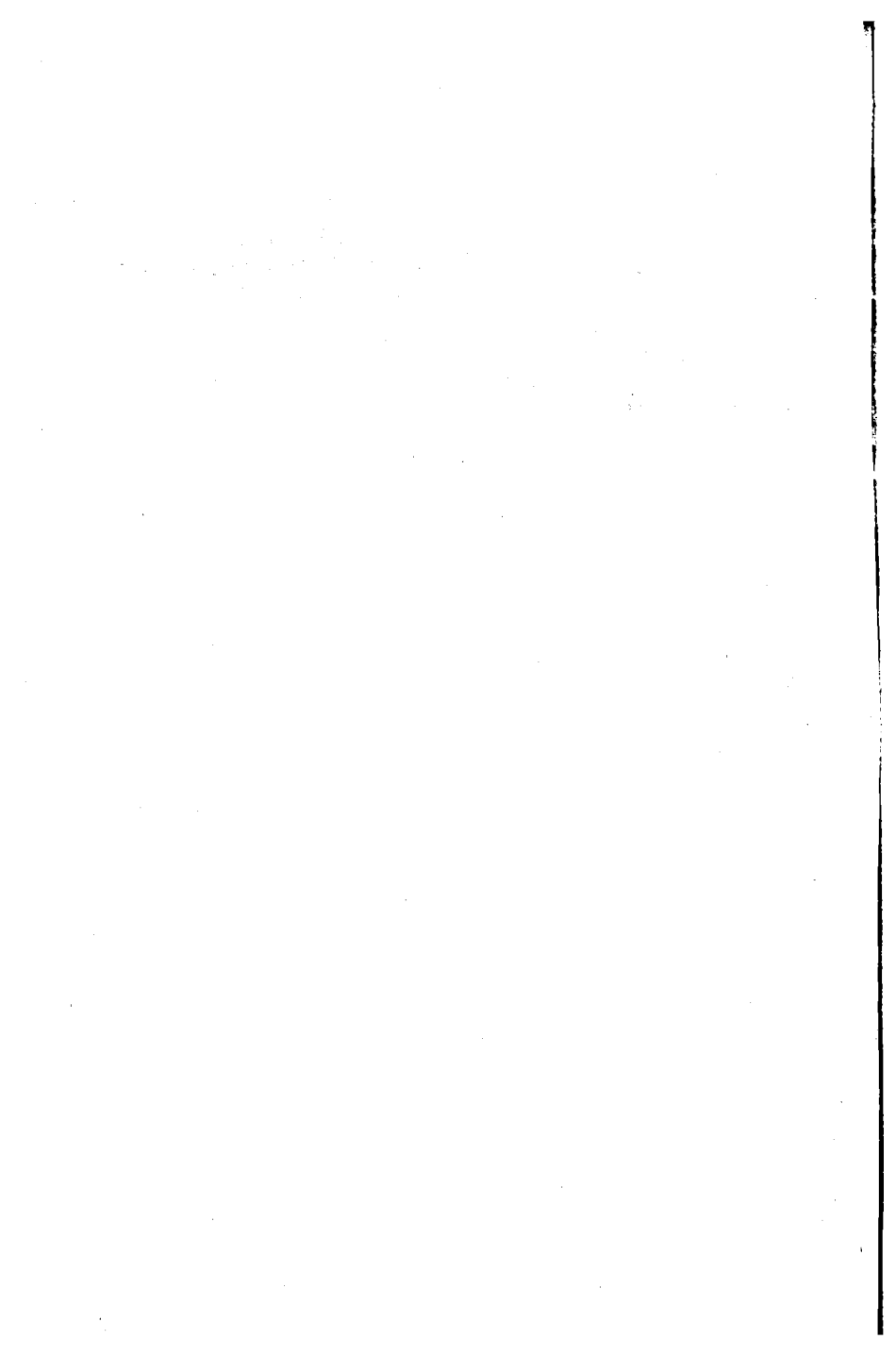


NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

TÀI LIỆU HỎI - ĐÁP

**VỀ CÁC VĂN KIỆN HỘI NGHỊ LẦN THỨ NĂM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
KHÓA XIII**

(Dùng cho đoàn viên, hội viên
các tổ chức chính trị - xã hội và tuyên truyền trong nhân dân)



BAN TUYẾN GIÁO TRUNG ƯƠNG ĐẢNG



TÀI LIỆU HỎI - ĐÁP



**VỀ CÁC VĂN KIỆN HỘI NGHỊ LẦN THỨ NĂM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
KHÓA XIII**

(Dùng cho đoàn viên, hội viên
các tổ chức chính trị - xã hội và tuyên truyền trong nhân dân)

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
Hà Nội - 2022



LỜI GIỚI THIỆU

Thực hiện Chương trình làm việc toàn khóa, từ ngày 04 đến ngày 10/5/2022, tại Thủ đô Hà Nội, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII họp Hội nghị lần thứ năm, đã thảo luận và thống nhất ban hành: Nghị quyết số 18-NQ/TW về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển, có thu nhập cao; Nghị quyết số 19-NQ/TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 20-NQ/TW về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới; Nghị quyết số 21-NQ/TW về tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong giai đoạn mới.

Để giúp các cấp, các ngành học tập, quán triệt và triển khai thực hiện các nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng tổ chức biên soạn, phối hợp với Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản các tài liệu:

- *Tài liệu học tập các văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII* (Dùng cho cán bộ, đảng viên ở cơ sở).

- Tài liệu hỏi - đáp về các văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII (Dùng cho đoàn viên, hội viên các tổ chức chính trị - xã hội và tuyên truyền trong nhân dân).

- Tài liệu nghiên cứu các văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII (Dùng cho cán bộ chủ chốt và báo cáo viên).

Tài liệu hỏi - đáp về các văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII (Dùng cho đoàn viên, hội viên các tổ chức chính trị - xã hội và tuyên truyền trong nhân dân) gồm bốn chuyên đề:

Chuyên đề 1: Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển, có thu nhập cao.

Chuyên đề 2: Nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Chuyên đề 3: Tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới.

Chuyên đề 4: Tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong giai đoạn mới.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn tài liệu cùng bạn đọc.

Tháng 7 năm 2022

BAN TUYÊN GIÁO TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Chuyên đề 1

**TIẾP TỤC ĐỔI MỚI, HOÀN THIỆN THỂ CHẾ,
CHÍNH SÁCH, NÂNG CAO HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ QUẢN LÝ
VÀ SỬ DỤNG ĐẤT, TẠO ĐỘNG LỰC ĐƯA NƯỚC TA
TRỞ THÀNH NƯỚC PHÁT TRIỂN, CÓ THU NHẬP CAO**

Câu hỏi 1: Những kết quả đạt được trong thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 31/10/2012 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XI về tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại?

Trả lời:

Những kết quả đạt được sau gần 10 năm thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 khóa XI là:

- Chính sách, pháp luật về đất đai đã có nhiều đổi mới, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu thực tiễn, từng bước tạo hành lang pháp lý cho việc quản lý và sử dụng đất hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả hơn.

- Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được thực hiện theo hướng tiếp cận tổng hợp, liên ngành và trở thành công cụ quan trọng để Nhà nước thống nhất quản lý, phân bổ và sử dụng đất đai.

- Nguồn lực đất đai được khai thác, sử dụng hiệu quả hơn cho phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường.

- Lợi ích của các bên liên quan trong bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, thu hồi đất cũng như đời sống, sinh kế của người có đất bị thu hồi được quan tâm và bảo đảm tốt hơn.

- Thị trường bất động sản, trong đó có thị trường quyền sử dụng đất phát triển tương đối nhanh; thể chế, chính sách phát triển thị trường bất động sản và chính sách tài chính trong lĩnh vực đất đai từng bước được hoàn thiện.

- Chính sách ưu đãi về thuế, miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đã góp phần quan trọng thu hút đầu tư. Chính sách đất đai về nhà ở xã hội đạt được một số kết quả quan trọng.

- Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về đất đai, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo và vi phạm pháp luật về đất đai có chuyển biến tích cực.

- Năng lực quản lý nhà nước về đất đai từng bước được nâng cao; hệ thống tổ chức, bộ máy quản lý đất đai từng bước được kiện toàn. Cơ sở dữ liệu về đất đai bước đầu được quan tâm xây dựng.

Câu hỏi 2: Những hạn chế trong thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 khóa XI?

Trả lời:

Những hạn chế là:

- Một số nội dung của Nghị quyết chưa được thể chế hóa hoặc thể chế hóa chậm, chưa đầy đủ; Luật đất đai và một số văn bản pháp luật có liên quan còn chồng chéo, chưa thống nhất, đồng bộ, chưa theo kịp sự thay đổi nhanh chóng của thực tiễn.

- Hệ thống quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các quy hoạch có sử dụng đất chưa bảo đảm tính tổng thể, thống nhất và đồng bộ.

- Việc giao đất, cho thuê đất ở một số nơi còn nhiều bất cập, sai phạm. Việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, thu hồi đất ở một số địa phương thực hiện còn chậm, chưa đúng Nghị quyết và các quy định của pháp luật. Chưa có cơ chế hữu hiệu và

chưa kiên quyết xử lý các dự án chậm tiến độ hoặc không đưa đất vào sử dụng.

- Thị trường bất động sản, trong đó có thị trường quyền sử dụng đất phát triển chưa ổn định, minh bạch, bền vững, tiềm ẩn nhiều rủi ro; thị trường quyền sử dụng đất nông nghiệp chậm phát triển.

- Cải cách hành chính trong quản lý đất đai còn chậm, chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn. Vẫn còn tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp.

- Chính sách tài chính trong lĩnh vực đất đai chưa thực sự khuyến khích sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, bền vững; chưa hạn chế được tình trạng lãng phí và vi phạm pháp luật về đất đai; cơ cấu nguồn thu từ đất chưa bền vững. Các phương pháp định giá, đấu giá quyền sử dụng đất còn bất cập, chưa phù hợp với thực tế. Chưa có chế tài xử lý hành vi sai phạm trong xác định giá đất, đấu giá quyền sử dụng đất.

- Năng lực quản lý nhà nước về đất đai chưa đáp ứng được yêu cầu; tranh chấp, khiếu nại, tố cáo và vi phạm pháp luật về đất đai còn diễn biến phức tạp; đơn, thư tố cáo về đất đai có xu hướng tăng.

- Đất đai chưa được khai thác, sử dụng hiệu quả để trở thành nguồn lực quan trọng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội đất nước; chưa giải quyết

cơ bản một số vướng mắc, bất cập liên quan đến quản lý, sử dụng đất.

Câu hỏi 3: Nguyên nhân của những hạn chế trong thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 khóa XI?

Trả lời:

Những hạn chế trong thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 khóa XI có nguyên nhân khách quan và chủ quan, trong đó nguyên nhân chủ quan là chủ yếu:

- Chưa có sự thống nhất cao về nhận thức đối với một số vấn đề liên quan đến quản lý và sử dụng đất trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhận thức về chính sách, pháp luật về đất đai có nơi, có lúc chưa đúng, chưa đầy đủ.

- Chính sách, pháp luật về đất đai còn nhiều hạn chế, bất cập, chồng chéo, thiếu thống nhất.

- Một số nhiệm vụ đã được đề cập trong Nghị quyết nhưng chưa được tổ chức thực hiện tốt. Công tác thi hành chính sách, pháp luật về đất đai chưa nghiêm.

- Việc phân cấp, phân quyền quản lý, sử dụng đất chưa hợp lý, chưa rõ trách nhiệm giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp trong vai trò

đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý nhà nước về đất đai.

- Việc giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai có lúc, có nơi còn chưa kịp thời, dứt điểm và chưa đúng pháp luật; còn tình trạng đùn đẩy, né tránh trách nhiệm.

- Hệ thống tổ chức, bộ máy quản lý nhà nước về đất đai chưa phù hợp với yêu cầu thực tiễn; cơ chế và nguồn lực đầu tư cho bộ máy quản lý còn nhiều bất cập.

Câu hỏi 4: Quan điểm của Đảng về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển, có thu nhập cao?

Trả lời:

Nghị quyết xác định năm quan điểm chỉ đạo:

Một là, quan điểm về sở hữu đất đai.

Nghị quyết tiếp tục khẳng định: Đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước là đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý. Đồng thời xác định rõ hơn nội hàm hai nội dung:

(1) Nhà nước thực hiện quyền của chủ sở hữu thông qua việc quyết định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất,

công nhận quyền sử dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng và quy định thời hạn sử dụng đất; quyết định giá đất; quyết định chính sách điều tiết phân giá trị tăng thêm từ đất không phải do người sử dụng đất tạo ra. Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào các mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định của pháp luật, bảo đảm công bằng, công khai, minh bạch, đề cao trách nhiệm giải trình. Quản lý và sử dụng đất phải bảo đảm lợi ích chung của toàn dân; nhân dân được tạo điều kiện tiếp cận, sử dụng đất công bằng, công khai, hiệu quả và bền vững.

(2) Nhà nước thống nhất quản lý đất đai theo lãnh thổ quốc gia, cả về diện tích, chất lượng, giá trị kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, môi trường; phân công hợp lý giữa các cơ quan nhà nước ở Trung ương, đồng thời có sự phân cấp, phân quyền phù hợp, hiệu quả đối với địa phương và tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát, xử lý vi phạm.

Hai là, quan điểm về sử dụng đất.

- Quyền sử dụng đất là một loại tài sản và hàng hóa đặc biệt nhưng không phải là quyền sở hữu; quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được pháp luật bảo hộ.

- Người sử dụng đất có quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được Nhà nước giao cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách, pháp luật về đất đai.

- Không điều chỉnh lại đất nông nghiệp đã giao cho hộ gia đình, cá nhân; kịp thời có chính sách phù hợp để đất nông nghiệp được khai thác, sử dụng với hiệu quả cao nhất.

Ba là, quan điểm về thể chế, chính sách.

- Thể chế, chính sách về đất đai phải được hoàn thiện đồng bộ và phù hợp với thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Có chính sách phù hợp với từng đối tượng, loại hình sử dụng đất để khơi dậy tiềm năng, phát huy cao nhất giá trị nguồn lực đất đai; kiên quyết khắc phục tình trạng tham nhũng, tiêu cực, khiếu kiện về đất đai, đầu cơ và sử dụng đất đai lãng phí.

Bốn là, quan điểm về quản lý và giải quyết những vấn đề bất cập, vướng mắc.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đất đai. Hiện đại hóa công tác quản lý, dịch vụ công về đất đai. Củng cố, hoàn thiện hệ thống

tổ chức bộ máy quản lý đất đai tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, tập trung, đồng bộ, thống nhất. Nâng cao vai trò và năng lực các cơ quan tư pháp trong giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp về đất đai.

- Đất đai phải được điều tra, đánh giá, thống kê, kiểm kê, lượng hóa, hạch toán đầy đủ trong nền kinh tế; được quy hoạch sử dụng hiệu quả, hợp lý với tầm nhìn dài hạn, hài hòa lợi ích giữa các thế hệ, các vùng, miền, giữa Trung ương và địa phương, giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh; phát triển giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao; bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu; bảo đảm an ninh lương thực quốc gia.

- Giải quyết tốt những bất cập, vướng mắc trong quản lý và sử dụng đất do lịch sử để lại và từ yêu cầu mới của thực tiễn.

Năm là, quan điểm về trách nhiệm của các chủ thể.

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân trong xây dựng, thực hiện và giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về đất đai.

Câu hỏi 5: Mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển, có thu nhập cao?

Trả lời:

- Mục tiêu tổng quát là:

+ Hoàn thiện thể chế, chính sách về quản lý và sử dụng đất đồng bộ và phù hợp với thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

+ Nguồn lực đất đai được quản lý, khai thác, sử dụng bảo đảm tiết kiệm, bền vững, hiệu quả cao nhất; đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, công bằng và ổn định xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; tạo động lực để nước ta trở thành nước phát triển, có thu nhập cao.

+ Thị trường bất động sản, trong đó có thị trường quyền sử dụng đất, trở thành kênh chủ yếu phân bổ đất đai hợp lý, công bằng, hiệu quả.

- Mục tiêu cụ thể đến năm 2025 là:

+ Đến năm 2023 hoàn thành sửa đổi Luật đất đai năm 2013 và một số luật liên quan, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất.

+ Hoàn thành xây dựng cơ sở dữ liệu số và hệ thống thông tin quốc gia về đất đai tập trung, thống nhất, đồng bộ, đa mục tiêu và kết nối liên thông.

+ Hoàn thành kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về đất đai bảo đảm tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, đồng bộ, thống nhất; loại bỏ khâu trung gian, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền phù hợp, kèm theo cơ chế kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực.

+ Giải quyết cơ bản những tồn tại, vướng mắc có liên quan đến quản lý và sử dụng đất có nguồn gốc từ nông, lâm trường quốc doanh; đất quốc phòng, an ninh kết hợp với sản xuất và xây dựng kinh tế; đất của các cơ sở sản xuất, đơn vị sự nghiệp đã di dời khỏi trung tâm các đô thị lớn; đất lấn biển; đất cơ sở tôn giáo; đất nghĩa trang; đất kết hợp sử dụng nhiều mục đích; đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số.

- *Mục tiêu đến năm 2030 là:*

+ Hệ thống pháp luật về đất đai cơ bản được hoàn thiện đồng bộ, thống nhất, phù hợp với thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

+ Khắc phục bằng được tình trạng sử dụng đất lãng phí, bỏ đất không sử dụng, ô nhiễm, suy thoái

và những tồn tại, vướng mắc về quản lý và sử dụng đất do lịch sử để lại.

Câu hỏi 6: Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển, có thu nhập cao?

Trả lời:

Để đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, đưa nước ta trở thành nước phát triển, có thu nhập cao, trong thời gian tới cần tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất thông qua sáu giải pháp cụ thể sau:

- Thống nhất nhận thức trong cán bộ, đảng viên và nhân dân về quản lý và sử dụng đất trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Hoàn thiện thể chế, chính sách quản lý và sử dụng đất đồng bộ với thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số và nâng cao năng lực quản lý nhà nước về đất đai.

- Đổi mới, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm soát xử lý vi phạm; giải quyết

tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan đến đất đai; siết chặt kỷ luật, kỷ cương, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

- Tập trung giải quyết cơ bản những hạn chế, khuyết điểm, vướng mắc kéo dài liên quan đến quản lý và sử dụng đất.

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân trong quản lý và sử dụng đất.

Câu hỏi 7: Nội dung cụ thể của nhiệm vụ, giải pháp thống nhất nhận thức trong cán bộ, đảng viên và nhân dân về quản lý và sử dụng đất trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa?

Trả lời:

- Cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội phải đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục để cán bộ, đảng viên và nhân dân hiểu đúng, đầy đủ về đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước là đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý, nhất là về quyền và nghĩa vụ của Nhà nước với tư cách là

đại diện chủ sở hữu theo quy định của Hiến pháp và pháp luật; quyền và nghĩa vụ của tổ chức, hộ gia đình và cá nhân được Nhà nước giao quyền sử dụng đất.

- Đất đai là nguồn lực to lớn phải được phát huy, quản lý và sử dụng có hiệu quả, bền vững, bảo đảm công bằng xã hội; không để bị suy thoái, hủy hoại, lãng phí, tham nhũng, tiêu cực.

Câu hỏi 8: Nội dung cụ thể của nhiệm vụ, giải pháp hoàn thiện thể chế, chính sách quản lý và sử dụng đất đồng bộ với thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa?

Trả lời:

Một là, đổi mới và nâng cao chất lượng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được lập ở cấp quốc gia, cấp tỉnh và cấp huyện phải bảo đảm phù hợp, thống nhất, đồng bộ, gắn kết chặt chẽ, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường.

- Nội dung quy hoạch sử dụng đất phải kết hợp giữa chỉ tiêu các loại đất gắn với không gian,

phân vùng sử dụng đất, hệ sinh thái tự nhiên, thể hiện được thông tin đến từng thửa đất.

- Việc xác định chỉ tiêu sử dụng đất phải phù hợp với nhu cầu sử dụng đất, tránh lãng phí trong phân bổ, quản lý và sử dụng đất.

- Quy định rõ, chặt chẽ việc phê duyệt, ban hành kế hoạch sử dụng đất hằng năm. Nhà nước bảo đảm đủ nguồn lực để lập quy hoạch sử dụng đất và các quy hoạch ngành, lĩnh vực có sử dụng đất.

Hai là, hoàn thiện các quy định về giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất.

- Thực hiện việc giao đất, cho thuê đất chủ yếu thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất. Quy định cụ thể về đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất; hạn chế và quy định chặt chẽ các trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất; bảo đảm công khai, minh bạch.

- Cơ bản thực hiện hình thức cho thuê đất trả tiền hằng năm và quy định cụ thể các trường hợp trả tiền thuê đất một lần, phù hợp với tính chất, mục đích sử dụng đất. Nhà nước thực hiện giao đất có hạn mức không thu tiền sử dụng đất đối với đất sử dụng làm cơ sở thờ tự, trụ sở của các tổ chức

tôn giáo. Các tổ chức tôn giáo sử dụng đất vào mục đích khác phải trả tiền thuê đất cho Nhà nước theo quy định của pháp luật.

- Tăng cường công tác quản lý, kiểm soát chặt chẽ việc chuyển mục đích sử dụng đất; tăng cường phân cấp, phân quyền đi đôi với kiểm tra, giám sát, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong chuyển mục đích sử dụng đất.

Ba là, hoàn thiện quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng.

- Việc thu hồi đất phải tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; chỉ được thực hiện sau khi phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt. Việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phải đi trước một bước, bảo đảm công khai, minh bạch, hài hòa lợi ích của Nhà nước, người có đất bị thu hồi và nhà đầu tư.

- Quy định cụ thể hơn về thẩm quyền, mục đích, phạm vi thu hồi đất, điều kiện, tiêu chí cụ thể việc Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng. Hoàn thiện tổ chức, bộ máy, cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính của các tổ chức phát triển quỹ đất.

- Quy định cụ thể việc khai thác hiệu quả quỹ đất phụ cận các công trình kết cấu hạ tầng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và chính sách ưu tiên cho người có đất ở bị thu hồi đất được giao đất hoặc mua nhà trên diện tích đất đã thu hồi mở rộng theo quy định của pháp luật. Cần sớm xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách để tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có quyền sử dụng đất tham gia với nhà đầu tư thực hiện các dự án dưới hình thức chuyển nhượng, cho thuê, góp vốn bằng quyền sử dụng đất.

- Quy định cơ chế góp quyền sử dụng đất, điều chỉnh lại đất đai đối với các dự án phát triển, chỉnh trang đô thị và khu dân cư nông thôn. Kiên quyết thu hồi đất của tổ chức, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp sử dụng đất không đúng mục đích.

Bốn là, hoàn thiện cơ chế xác định giá đất.

- Bỏ quy định về khung giá đất. Có cơ chế, phương pháp xác định giá đất theo nguyên tắc thị trường, quy định chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm của cơ quan có nhiệm vụ xác định giá đất.

- Trung ương xây dựng tiêu chí và quy trình kiểm tra, giám sát các địa phương trong việc xây dựng bảng giá đất. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định và kiểm tra, giám sát việc thực hiện giá đất.

- Nâng cao chất lượng công tác định giá đất.

- Bổ sung, hoàn thiện các quy định bảo đảm công khai, minh bạch như: công khai giá đất, bắt buộc giao dịch qua các sàn giao dịch, thanh toán qua ngân hàng; xử lý nghiêm các vi phạm,...

Năm là, hoàn thiện cơ chế, chính sách tài chính về đất đai.

- Chính sách tài chính về đất đai phải bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, người sử dụng đất và nhà đầu tư; nghiên cứu xây dựng chính sách điều tiết chênh lệch địa tô, bảo đảm công khai, minh bạch.

- Rà soát chính sách, pháp luật về thuế sử dụng đất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp, xây dựng chính sách, pháp luật về thuế sử dụng đất theo thông lệ quốc tế, phù hợp với trình độ phát triển, điều kiện cụ thể và lộ trình thích hợp. Quy định mức thuế cao hơn đối với người sử dụng nhiều diện tích đất, nhiều nhà ở, đầu cơ đất, chậm sử dụng đất, bỏ đất không sử dụng.

- Có chính sách ưu đãi thuế, tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phù hợp với lĩnh vực, địa bàn đầu tư; với hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, gia đình người có công với cách mạng; với những địa phương được quy hoạch sản xuất nhằm bảo đảm an ninh lương thực quốc gia, bảo vệ các loại rừng, nhất là rừng phòng hộ, rừng đặc dụng...

Sáu là, hoàn thiện các quy định pháp luật có liên quan đến thị trường bất động sản, trong đó có thị trường quyền sử dụng đất.

- Đẩy mạnh thương mại hóa quyền sử dụng đất. Xây dựng hệ thống thông tin thị trường bất động sản gắn với thông tin đất đai.

- Có cơ chế bảo đảm thị trường bất động sản phát triển lành mạnh, an toàn, bền vững; kiểm soát chặt chẽ, khắc phục tình trạng đầu cơ đất đai.

Bảy là, hoàn thiện cơ chế, chính sách về quản lý, sử dụng đất nông nghiệp.

- Mở rộng đối tượng, hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp phù hợp với đặc điểm, điều kiện của từng vùng, địa phương; tạo điều kiện thuận lợi để người sử dụng đất nông nghiệp được chuyển đổi mục đích sản xuất cây trồng, vật nuôi, nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp. Tăng cường quản lý chất lượng đất.

- Xây dựng quy định về ngân hàng cho thuê đất nông nghiệp. Thu hồi đất giao khoán không đầu tư từ các công ty nông, lâm nghiệp. Ưu tiên giao đất cho đồng bào dân tộc thiểu số sản xuất.

Tám là, xây dựng các quy định pháp luật đối với quản lý và sử dụng đất kết hợp đa mục đích.

- Bổ sung, hoàn thiện các quy định đối với quản lý, sử dụng đất quốc phòng, an ninh.

- Bổ sung các quy định về đất ở kết hợp với thương mại, dịch vụ; đất nông nghiệp kết hợp với thương mại, dịch vụ; đất dự án du lịch có yếu tố tâm linh.

- Quy định chế độ sử dụng đất xây dựng công trình trên không, công trình ngầm, đất hình thành từ hoạt động lấn biển.

Câu hỏi 9: Nội dung cụ thể của nhiệm vụ, giải pháp đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số và nâng cao năng lực quản lý nhà nước về đất đai?

Trả lời:

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực quản lý và sử dụng đất; bố trí nguồn lực hợp lý để xây dựng, hoàn thiện đúng tiến độ hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia. Thực hiện đăng ký bắt buộc về quyền sử dụng đất và mọi biến động đất đai.

- Kiện toàn, hoàn thiện hệ thống cơ quan quản lý đất đai ở Trung ương và địa phương bảo đảm tinh gọn, ổn định, thống nhất, hiệu lực, hiệu quả.

- Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu toàn dân về đất đai. Giảm đầu mối, giảm trung gian, giảm phiền hà, tiêu cực.

- Tiếp tục hoàn thiện, nâng cao năng lực các tổ chức dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai. Có cơ chế đầu tư, chính sách đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực, trình độ cán bộ, công chức ngành quản lý đất đai; nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị, đáp ứng yêu cầu quản lý hiện đại.

- Tập trung nguồn lực đầu tư cho công tác điều tra, đánh giá tài nguyên đất; thống kê, kiểm kê đất đai; giám sát sử dụng đất; bảo vệ, cải tạo và phục hồi chất lượng đất.

Câu hỏi 10: Nội dung cụ thể của nhiệm vụ, giải pháp đổi mới, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm soát xử lý vi phạm; giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan đến đất đai; siết chặt kỷ luật, kỷ cương, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực?

Trả lời:

- Đổi mới, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng, thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm soát của Nhà nước trong việc xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách về đất đai; giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan đến đất đai; tăng cường phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong quản lý và sử dụng đất.

- Tăng cường kiểm soát quyền lực, thường xuyên kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán việc quản lý, sử dụng đất, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về đất đai.

- Tiến hành kiểm tra, thanh tra trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo của ngành, các cấp, thực hiện phương châm giải quyết triệt để tranh chấp về đất đai từ cơ sở, tránh vượt cấp lên Trung ương.

Câu hỏi 11: Nội dung cụ thể của nhiệm vụ, giải pháp tập trung giải quyết cơ bản những hạn chế, khuyết điểm, vướng mắc kéo dài liên quan đến quản lý và sử dụng đất?

Trả lời:

Tập trung nguồn lực đầu tư, chỉ đạo quyết liệt và nâng cao trách nhiệm của các cơ quan Trung ương và chính quyền địa phương trong xử lý những hạn chế, khuyết điểm, vướng mắc về đất đai có nguồn gốc từ nông, lâm trường quốc doanh; đất của các cơ sở sản xuất, đơn vị sự nghiệp đã di dời khỏi trung tâm các đô thị lớn; thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất khi sắp xếp lại trụ sở, cơ sở làm việc thuộc sở hữu nhà nước để chuyển sang mục đích phát triển kinh tế bảo đảm phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt; đất thu hồi

từ cổ phần hóa, thoái-vốn của doanh nghiệp nhà nước; các loại đất được sử dụng đa mục đích; giải quyết đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; những tồn tại, vướng mắc về quản lý và sử dụng đất do lịch sử để lại.

Câu hỏi 12: Nội dung cụ thể của nhiệm vụ, giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của Đảng; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân trong quản lý và sử dụng đất?

Trả lời:

- Đổi mới hình thức, nội dung và đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về đất đai, nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật về đất đai cho cán bộ, đảng viên, người dân, doanh nghiệp. Các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, nhất là người đứng đầu, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng và thực thi chính sách, pháp luật về đất đai, phải chịu trách nhiệm nếu để các tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi mình quản lý vi phạm pháp luật, trục lợi, gây thất thoát, sử dụng lãng phí đất đai.

- Tăng cường vai trò giám sát của Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội các cấp và nhân dân; phát hiện và phản ánh kịp thời những vướng mắc, bất cập, sai phạm trong thi hành chính sách, pháp luật về đất đai để xử lý kịp thời, hiệu quả.

Chuyên đề 2

**NÔNG NGHIỆP, NÔNG DÂN, NÔNG THÔN
ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045**

Câu hỏi 13: Những kết quả đạt được trong thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của Hội nghị Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn?

Trả lời:

Sau gần 15 năm thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW về *nông nghiệp, nông dân, nông thôn*, với sự tập trung lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng, sự chung sức, đồng lòng của toàn dân, nông nghiệp, nông dân, nông thôn nước ta đã đạt được *nhiều thành tựu rất to lớn*, cụ thể là:

- *Nông nghiệp* tiếp tục phát triển cả về quy mô và trình độ sản xuất, duy trì tăng trưởng ở mức khá cao, khẳng định vị thế quan trọng, là trụ đỡ của nền kinh tế, bảo đảm vững chắc an ninh

lương thực quốc gia. Hệ thống tổ chức sản xuất kinh doanh trong nông nghiệp ngày càng được hoàn thiện; thị trường tiêu thụ được mở rộng, xuất khẩu tăng nhanh cả về sản lượng, giá trị và tỷ trọng. Việt Nam trở thành một trong những nước có một số mặt hàng xuất khẩu nông sản lớn trên thế giới.

- Trình độ, học vấn của *nông dân* nước ta từng bước được nâng cao. Nông dân đã phát huy tốt hơn vai trò là chủ thể, tham gia hợp tác, liên kết, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, phát triển kinh tế, khôi phục và phát triển ngành nghề nông thôn, xây dựng nông thôn mới; giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

- Xây dựng *nông thôn mới* đã trở thành phong trào sâu rộng, với sự tham gia tích cực của cả hệ thống chính trị và toàn dân; cơ cấu kinh tế nông thôn chuyển dịch tích cực, tăng tỷ trọng kinh tế công nghiệp và dịch vụ; thu nhập và đời sống vật chất, tinh thần của cư dân nông thôn không ngừng được cải thiện, diện mạo nông thôn Việt Nam có sự thay đổi rõ rệt; niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ ta ngày càng được củng cố, nâng cao.

Câu hỏi 14: Những hạn chế, yếu kém trong thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn?

Trả lời:

- Bên cạnh những thành tựu đạt được, nông nghiệp phát triển còn thiếu bền vững, tốc độ tăng trưởng có xu hướng giảm, chất lượng, hiệu quả hoạt động của khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã chưa cao. Nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, đào tạo nguồn nhân lực còn hạn chế, nhiều loại giống cây trồng, vật nuôi, vật tư nông nghiệp phụ thuộc nhiều vào nhập khẩu. Thu hút đầu tư cho phát triển nông nghiệp, dịch vụ ở nông thôn gặp nhiều khó khăn. Công tác dự báo, thông tin về thị trường sản xuất, tiêu thụ nông sản còn hạn chế.

- Đào tạo nghề, giải quyết việc làm, chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn còn nhiều bất cập; năng suất lao động và thu nhập bình quân của cư dân nông thôn còn thấp.

- *Xây dựng nông thôn mới* chưa đồng đều, nhiều nơi chưa chú trọng đúng mức đến phát triển sản xuất, tạo sinh kế, xây dựng đời sống văn hóa; ô nhiễm môi trường nông thôn gia tăng; một số vấn đề

xã hội phức tạp phát sinh ở nhiều địa phương, gây bức xúc trong xã hội; năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh còn nhiều hạn chế.

Câu hỏi 15: Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém trong thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn?

Trả lời:

Những hạn chế, yếu kém trong thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW có nguyên nhân khách quan và chủ quan, trong đó nguyên nhân chủ quan là chủ yếu, đó là:

- Nhận thức về vị trí, vai trò của nông nghiệp, nông dân, nông thôn chưa thật đầy đủ, đúng mức; có lúc, có nơi cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền còn thiếu chủ động, trông chờ, ỷ lại, chưa sâu sát, quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết.

- Sự phối hợp giữa các bộ, ngành, cơ quan liên quan thiếu chặt chẽ; tổ chức bộ máy quản lý nhà nước, hệ thống dịch vụ công chưa theo kịp yêu cầu phát triển.

- Một số cơ chế, chính sách chậm ban hành, chưa sát thực tiễn, thiếu nguồn lực thực hiện, chậm

sửa đổi, bổ sung, nhất là về đất đai, đầu tư, tín dụng, bảo hiểm, tổ chức sản xuất.

- Đầu tư từ ngân sách nhà nước chưa đạt mục tiêu Nghị quyết đề ra; hiệu quả thu hút, sử dụng vốn đầu tư xã hội cho phát triển nông nghiệp, nông thôn chưa cao.

Câu hỏi 16: Quan điểm của Đảng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045?

Trả lời:

Nghị quyết xác định năm quan điểm:

(1) *Quan điểm về vị trí, vai trò của nông nghiệp, nông dân, nông thôn.*

- Nông nghiệp, nông dân, nông thôn là *ba thành tố có quan hệ mật thiết, gắn bó, không thể tách rời*; có vai trò, vị trí rất quan trọng trong sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; là *cơ sở, lực lượng to lớn* trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, con người Việt Nam, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

- Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn là một trong những nhiệm vụ quan trọng

hàng đầu của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nguồn lực của đất nước phải tiếp tục ưu tiên đầu tư cho nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

- Bảo đảm phát triển hài hòa giữa nông thôn và thành thị, giữa các vùng, miền, địa phương; gắn kết chặt chẽ giữa phát triển công nghiệp, dịch vụ với nông nghiệp, giữa phát triển nông thôn bền vững với quá trình đô thị hóa theo hướng “nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh”.

(2) Quan điểm về nông dân.

- Nông dân là chủ thể, là trung tâm của quá trình phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới. Gắn xây dựng giai cấp nông dân với phát triển nông nghiệp và quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa nông thôn.

- Mục tiêu cao nhất trong phát triển nông nghiệp, nông thôn là nâng cao toàn diện đời sống vật chất, tinh thần của nông dân và cư dân nông thôn.

- Chú trọng xây dựng nông dân Việt Nam phát triển toàn diện, văn minh, yêu nước, đoàn kết, tự chủ, tự lực, tự cường, đổi mới sáng tạo, có ý chí, khát vọng xây dựng quê hương, đất nước phồn vinh, hạnh phúc; có trình độ, học vấn và năng lực tổ chức sản xuất tiên tiến, nếp sống văn minh,

trách nhiệm xã hội, tôn trọng pháp luật, bảo vệ môi trường; được thụ hưởng những thành tựu phát triển kinh tế - xã hội, từng bước tiếp cận các dịch vụ của đô thị.

(3) Quan điểm về nông nghiệp.

- Nông nghiệp là lợi thế quốc gia, trụ đỡ của nền kinh tế. Phát triển nông nghiệp hiệu quả, bền vững, tích hợp đa giá trị theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, năng lực cạnh tranh, gắn với đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến, bảo quản sau thu hoạch và phát triển thị trường nông sản cả ở trong nước và ngoài nước; bảo đảm an toàn thực phẩm, an ninh lương thực quốc gia, bảo vệ môi trường sinh thái; khuyến khích phát triển nông nghiệp xanh, hữu cơ, tuần hoàn.

- Chuyển mạnh tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông nghiệp gắn với nhu cầu thị trường. Phát huy lợi thế vùng, miền, địa phương, tổ chức sản xuất kinh doanh nông nghiệp theo chuỗi giá trị, dựa trên nền tảng khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo.

(4) Quan điểm về nông thôn.

- Xây dựng nông thôn hiện đại, phồn vinh, hạnh phúc, dân chủ, văn minh; có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ; môi trường xanh, sạch, đẹp; đời sống văn hóa lành mạnh, phong phú, đậm đà

bản sắc dân tộc; an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm.

- Phát triển nông nghiệp, nông thôn phải gắn với không gian di sản văn hóa vật thể, phi vật thể; bảo vệ các giá trị của nền văn minh lúa nước, bản sắc văn hóa dân tộc cao đẹp. Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội nông thôn cần chú trọng phát triển hài hòa, đồng bộ cả nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ, gắn với cơ cấu lại lao động, tạo sinh kế, việc làm tại chỗ, nâng cao thu nhập cho nông dân và cư dân nông thôn, bảo đảm quốc phòng, an ninh, củng cố hệ thống chính trị cơ sở, nhất là các địa bàn chiến lược trọng điểm, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc.

- Xây dựng nông thôn mới đi vào chiều sâu, thực chất, hiệu quả, bền vững. Quản lý, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên đất, tài nguyên nước, bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển bền vững các hệ sinh thái. Chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo đảm cho sản xuất nông nghiệp và an toàn cho nhân dân.

(5) *Quan điểm về trách nhiệm của các chủ thể.*

- Phát triển nông nghiệp, nông thôn, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nông dân và cư dân nông thôn là *trách nhiệm, nhiệm vụ trọng tâm* của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội dưới sự lãnh đạo

của Đảng; đề cao vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, nhất là người đứng đầu; hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước.

- Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong giám sát, phản biện xã hội, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân tích cực tham gia phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Câu hỏi 17: Mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030?

Trả lời:

- Mục tiêu tổng quát là:

+ *Nông dân và cư dân nông thôn* có trình độ, đời sống vật chất và tinh thần ngày càng cao, làm chủ quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn.

+ *Nông nghiệp* phát triển nhanh, bền vững, hiệu quả, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia, quy mô sản xuất hàng hóa nông sản ngày càng lớn, bảo đảm môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu.

+ *Nông thôn* phát triển toàn diện, có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, cơ cấu kinh tế và hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, môi trường sống an toàn, lành mạnh, giàu bản sắc văn hóa

dân tộc; an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được giữ vững; tổ chức đảng và hệ thống chính trị ở cơ sở trong sạch, vững mạnh.

- Mục tiêu cụ thể đến năm 2030 là:

+ Tốc độ tăng trưởng GDP ngành nông nghiệp phấn đấu đạt bình quân khoảng 3%/năm; tăng năng suất lao động nông nghiệp bình quân 5,5 - 6%/năm.

+ Tốc độ tăng trưởng công nghiệp, dịch vụ nông thôn phấn đấu đạt bình quân trên 10%/năm.

+ Số xã đạt chuẩn nông thôn mới trên 90%, trong đó phấn đấu 50% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; số đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới trên 70%, trong đó phấn đấu 35% số đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

+ Thu nhập bình quân của người dân nông thôn năm 2030 phấn đấu tăng gấp 2,5 - 3 lần so với năm 2020.

+ Tỷ lệ hộ gia đình nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn đạt 80%.

+ Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội dưới 20%; bình quân hàng năm đào tạo nghề cho khoảng 1,5 triệu lao động nông thôn.

+ Tỷ lệ che phủ rừng ổn định ở mức 42%, nâng cao năng suất, chất lượng rừng; tỷ lệ chất thải rắn

sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử lý theo quy định đạt 90%.

Câu hỏi 18: Tâm nhìn về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2045?

Trả lời:

- *Nông dân và cư dân nông thôn văn minh, phát triển toàn diện, có thu nhập cao.*

- *Nông nghiệp sinh thái, sản xuất hàng hóa quy mô lớn, có giá trị gia tăng cao, gắn kết chặt chẽ với thị trường trong và ngoài nước, công nghiệp chế biến và bảo quản nông sản hiện đại, xuất khẩu nhiều loại nông sản đứng hàng đầu thế giới.*

- *Nông thôn hiện đại, có điều kiện sống tiệm cận với đô thị, môi trường sống xanh, sạch, đẹp, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm vững chắc.*

Câu hỏi 19: Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu về nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong thời gian tới?

Trả lời:

Nghị quyết đề ra chín nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu là:

- Nâng cao vai trò, vị thế, năng lực làm chủ, cải thiện toàn diện đời sống vật chất, tinh thần của nông dân và cư dân nông thôn.

- Phát triển nền nông nghiệp hiệu quả, bền vững theo hướng sinh thái, ứng dụng khoa học - công nghệ tiên tiến, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng.

- Phát triển mạnh công nghiệp, dịch vụ, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm tại chỗ cho lao động nông thôn.

- Xây dựng nông thôn theo hướng hiện đại gắn với đô thị hóa.

- Hoàn thiện thể chế, chính sách về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

- Tạo đột phá trong nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; đào tạo nhân lực trong nông nghiệp, nông thôn.

- Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường nông thôn, nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai.

- Chủ động hội nhập, hợp tác quốc tế, mở rộng thị trường, thu hút nguồn lực và đẩy mạnh chuyển giao khoa học - công nghệ.

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp ở nông thôn.

Câu hỏi 20: Nội dung cụ thể của nhiệm vụ, giải pháp nâng cao vai trò, vị thế, năng lực làm chủ, cải thiện toàn diện đời sống vật chất, tinh thần của nông dân và cư dân nông thôn?

Trả lời:

- Chú trọng nâng cao nhận thức, năng lực, trình độ, học vấn cho nông dân và cư dân nông thôn để đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học - công nghệ trong sản xuất, bảo quản, chế biến, tiêu thụ nông sản, làm giàu từ nông nghiệp, nông thôn.

- Đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động nông nghiệp sang làm việc ở khu vực công nghiệp, dịch vụ; thu hút lao động có trình độ cao về làm việc ở nông thôn.

- Bảo đảm quyền làm chủ của nông dân và cư dân nông thôn. Đẩy mạnh phong trào nông dân khởi nghiệp, thi đua sản xuất kinh doanh, giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới.

- Tạo môi trường thuận lợi, hỗ trợ nông dân và cư dân nông thôn nâng cao năng lực quản trị, phát triển sản xuất kinh doanh.

- Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa, thể thao cho nông dân và cư dân nông thôn. Thực hiện tốt chính sách dân số và phát triển; thực hiện tốt chính sách bình đẳng giới,

phòng, chống xâm hại phụ nữ và trẻ em, nâng cao năng lực, vị thế của phụ nữ ở nông thôn. Thực hiện hiệu quả chính sách bảo hiểm. Triển khai hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Phát huy vai trò của Hội Nông dân Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và các tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong cung cấp dịch vụ tư vấn, hỗ trợ pháp luật, kiến thức sản xuất kinh doanh, khoa học - công nghệ; đẩy mạnh các phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, bảo vệ an ninh Tổ quốc, xây dựng gia đình, thôn (xóm, làng, ấp, bản) văn hóa.

Câu hỏi 21: Nội dung cụ thể của nhiệm vụ, giải pháp phát triển nền nông nghiệp hiệu quả, bền vững theo hướng sinh thái, ứng dụng khoa học - công nghệ tiên tiến, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng?

Trả lời:

- Cơ cấu lại nông nghiệp thực chất, hiệu quả, khai thác và phát huy lợi thế nền nông nghiệp nhiệt đới, tiềm năng, lợi thế của từng vùng, miền, địa phương. Đẩy mạnh tích tụ, tập trung đất đai; phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại, chuyên canh hàng hóa tập trung, quy mô lớn, bảo đảm an toàn thực phẩm; gắn kết chặt chẽ nông nghiệp với

công nghiệp, dịch vụ, sản xuất với bảo quản, chế biến và tiêu thụ nông sản. Khuyến khích phát triển nông nghiệp xanh, hữu cơ, tuần hoàn, Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP),... Đầu tư kết cấu hạ tầng sản xuất nông nghiệp.

- Phát triển mạnh công nghiệp sản xuất giống cây trồng và giống vật nuôi có năng suất, chất lượng cao, chống chịu được dịch bệnh, thích ứng với biến đổi khí hậu; thúc đẩy nghiên cứu chọn, tạo giống; tự chủ trong sản xuất thức ăn chăn nuôi. Tổ chức lại sản xuất, phát triển mạnh kinh tế trang trại, kinh tế hợp tác, thúc đẩy liên kết, hợp tác theo chuỗi giá trị, nâng cao giá trị gia tăng. Quản lý chặt chẽ chất lượng vật tư nông nghiệp, nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống dịch bệnh. Xây dựng các chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn, chất lượng.

- *Về trồng trọt*: Chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp lợi thế và nhu cầu thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, hình thành các vùng sản xuất chuyên canh, quy mô lớn. Đổi mới chính sách quản lý và sử dụng đất trồng lúa theo hướng linh hoạt, hiệu quả.

- *Về chăn nuôi*: Phát triển chăn nuôi công nghiệp ứng dụng công nghệ cao; hỗ trợ chăn nuôi trang trại, gia trại thân thiện với môi trường. Phát triển các giống đặc sản, chăn nuôi hữu cơ, tạo ra

sản phẩm có giá trị kinh tế cao. Xử lý triệt để tình trạng sử dụng chất cấm, lạm dụng kháng sinh, hóa chất không rõ nguồn gốc trong chăn nuôi; tăng cường năng lực và hiệu quả hoạt động của hệ thống thú y, đáp ứng yêu cầu phòng, chống dịch bệnh.

- *Về thủy, hải sản*: Phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển và đất liền theo hướng công nghiệp, sinh thái; tăng cường kiểm soát dịch bệnh, dư lượng kháng sinh. Thực hiện đồng bộ các giải pháp bảo vệ, phát triển và khai thác nguồn lợi thủy sản bền vững, phù hợp với chuẩn mực và thông lệ quốc tế; đẩy mạnh đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và dịch vụ nghề cá.

- *Về lâm nghiệp*: Tăng cường quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, phục hồi rừng tự nhiên gắn với bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ cảnh quan, môi trường sinh thái. Phát triển kinh tế rừng, có cơ chế đặc thù để vừa bảo vệ, phát triển rừng, vừa tạo sinh kế, nâng cao thu nhập, đời sống của người dân. Nâng cao chất lượng rừng trồng. Bảo vệ nghiêm ngặt rừng đặc dụng và rừng phòng hộ, chú trọng phát triển rừng ven biển. Phát triển công nghiệp chế biến gỗ và sản phẩm gỗ cao cấp để Việt Nam trở thành trung tâm chế biến, xuất khẩu đồ gỗ của thế giới.

- Về diêm nghiệp: Đầu tư nâng cấp hạ tầng, công nghệ, phát triển sản xuất, chế biến, đa dạng hóa sản phẩm muối; có chính sách phù hợp bảo đảm sinh kế, nâng cao thu nhập cho diêm dân.

Câu hỏi 22: Nội dung cụ thể của nhiệm vụ, giải pháp phát triển mạnh công nghiệp, dịch vụ, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm tại chỗ cho lao động nông thôn?

Trả lời:

- Xây dựng và tổ chức triển khai hiệu quả các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn, gắn phát triển nông nghiệp với phát triển công nghiệp, dịch vụ. Phát triển toàn diện, đồng bộ kinh tế nông thôn với cơ cấu nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ hợp lý, dựa trên khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo.

- Phát triển mạnh công nghiệp ở nông thôn, nhất là công nghiệp chế biến nông sản, công nghiệp sản xuất thiết bị, máy móc, vật tư phục vụ nông nghiệp. Đầu tư phát triển các cụm công nghiệp, làng nghề phù hợp với quy hoạch và điều kiện cụ thể tại địa phương; thu hút các thành phần kinh tế đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; tạo nhiều

việc làm tại chỗ, nâng cao thu nhập cho lao động nông thôn.

- Bảo tồn, phát triển các ngành nghề, làng nghề, dịch vụ nông thôn, du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái. Đẩy mạnh thực hiện hiệu quả Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP). Xây dựng hạ tầng thương mại nông thôn đa dạng, đồng bộ. Phát huy vai trò của các hiệp hội ngành hàng trong liên kết sản xuất, bảo quản, chế biến, tiêu thụ nông sản.

Câu hỏi 23: Nội dung cụ thể của nhiệm vụ, giải pháp xây dựng nông thôn theo hướng hiện đại gắn với đô thị hóa?

Trả lời:

- Xây dựng nông thôn mới phát triển toàn diện, bền vững gắn với đô thị hóa, bảo đảm thực chất, đi vào chiều sâu, hiệu quả, vì lợi ích của người dân. Tiếp tục hoàn thiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới; thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu và xây dựng nông thôn mới cấp thôn, bản.

- Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn đồng bộ, hiện đại, kết nối với đô thị, đẩy nhanh quá trình hiện đại hóa kết cấu hạ tầng giao thông, chuyển đổi số, văn hóa, giáo dục, y tế; cung cấp

nước sạch; bảo đảm an toàn các công trình thủy lợi, phòng, chống thiên tai. Khẩn trương, quyết liệt xử lý, khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, nhất là rác thải, nước thải. Xây dựng cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, văn minh, giàu bản sắc văn hóa truyền thống.

- Tăng đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước, ưu tiên các vùng khó khăn, miền núi, biên giới, hải đảo. Huy động mạnh mẽ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực từ các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn.

Câu hỏi 24: Nội dung cụ thể của nhiệm vụ, giải pháp hoàn thiện thể chế, chính sách về nông nghiệp, nông dân, nông thôn?

Trả lời:

- Tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật đất đai bảo đảm quản lý, sử dụng bền vững, hiệu quả đất nông nghiệp, thúc đẩy tích tụ, tập trung, sử dụng linh hoạt, hiệu quả đất trồng lúa. Tăng cường phân cấp, phân quyền cho chính quyền các cấp, đi đôi với tăng cường kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực. Tăng đầu tư ngân sách nhà nước giai đoạn

2021 - 2030 cho nông nghiệp, nông thôn ít nhất gấp 2 lần giai đoạn 2011 - 2020. Hoàn thiện chính sách phát triển kinh tế rừng, chi trả dịch vụ môi trường rừng, bảo đảm nguồn lực cho công tác bảo vệ và phát triển rừng. Xử lý triệt để những tồn đọng về đất đai có nguồn gốc từ nông, lâm trường quốc doanh.

- Phát triển thị trường tài chính, tín dụng vi mô, các sản phẩm dịch vụ tài chính mới, củng cố và mở rộng hệ thống quỹ tín dụng nhân dân. Mở rộng quy mô, đối tượng tham gia bảo hiểm nông nghiệp. Tiếp tục dành nguồn vốn tín dụng ưu đãi, khuyến khích các tổ chức tín dụng cho vay đối với nông nghiệp, nông dân, nông thôn; hỗ trợ tín dụng cho hợp tác xã, doanh nghiệp, hộ nông thôn phát triển sản xuất kinh doanh. Triển khai có hiệu quả chính sách tín dụng ưu đãi để giải quyết việc làm, chuyển đổi ngành nghề ở nông thôn.

- Có chính sách phù hợp đối với xây dựng nông thôn mới ở vùng ven đô thị, đồng bằng, miền núi, biên giới, hải đảo; khơi dậy tinh thần khởi nghiệp, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Tiếp tục sắp xếp, nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước, công ty nông, lâm nghiệp. Hoàn thiện chính sách phát triển trang trại, kinh tế hộ, kinh tế tập thể, liên kết,

hợp tác sản xuất kinh doanh; tăng cường liên kết giữa các hợp tác xã, hình thành các hiệp hội, liên hiệp hợp tác xã.

Câu hỏi 25: Nội dung cụ thể của nhiệm vụ, giải pháp tạo đột phá trong nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; đào tạo nhân lực trong nông nghiệp, nông thôn?

Trả lời:

- Đổi mới tổ chức và hoạt động, nâng cao năng lực nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học - công nghệ; đẩy nhanh chuyển đổi số toàn diện ngành nông nghiệp, xây dựng, hoàn thiện các cơ sở dữ liệu lớn; thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động đổi mới sáng tạo, khoa học - công nghệ thực sự trở thành động lực quan trọng trong phát triển nông nghiệp, nông thôn.

- Tăng cường năng lực và hiệu quả hoạt động của các tổ chức nghiên cứu và chuyển giao khoa học - công nghệ công lập, kết hợp đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút các doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao, thực hiện khoán, đặt hàng sản phẩm khoa học - công nghệ, tạo đột phá về giống cây trồng, giống vật nuôi. Đổi mới công tác

khuyến nông, khuyến công theo hướng kết hợp giữa nhà nước với doanh nghiệp; theo chuỗi ngành hàng, chuyển đổi số.

- Hỗ trợ thành lập các vườn ươm công nghệ, trung tâm khởi nghiệp, quỹ đầu tư đổi mới sáng tạo, các doanh nghiệp khởi nghiệp trong nông nghiệp, nông thôn. Khuyến khích doanh nghiệp, người dân ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số trong sản xuất kinh doanh và kết nối cung - cầu; đẩy mạnh thương mại điện tử, truy xuất nguồn gốc và kiểm soát an toàn thực phẩm. Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia về nông nghiệp, nông dân, nông thôn liên thông với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành.

- Tạo đột phá trong phát triển nhân lực, đào tạo, nâng cao kỹ năng nghề đáp ứng yêu cầu cơ cấu lại nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn. Đổi mới toàn diện hình thức tổ chức và nội dung đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Mở rộng quy mô, ngành nghề đào tạo đáp ứng nhu cầu lao động ở nông thôn, chuyển đổi nghề nghiệp và xuất khẩu lao động. Có chiến lược nâng cao năng suất lao động, khuyến khích các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức tư nhân tham gia đào tạo nghề, phát triển thị trường lao động ở nông thôn.

Câu hỏi 26: Nội dung cụ thể của nhiệm vụ, giải pháp quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường nông thôn, nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai?

Trả lời:

- Quản lý, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn tài nguyên gắn với bảo tồn đa dạng sinh học, chuyển mạnh sang mô hình tăng trưởng xanh. Quy hoạch sử dụng đất nông thôn gắn kết với phát triển đô thị, khai thác và phát huy nguồn lực đất đai trong xây dựng, phát triển bền vững kinh tế nông thôn. Bảo vệ quỹ đất nông nghiệp cả về số lượng, chất lượng. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp phòng, chống phá rừng, nâng cao chất lượng và trữ lượng rừng. Bảo vệ và phát triển bền vững nguồn lợi thủy, hải sản, bảo tồn đa dạng sinh học.

- Bảo đảm an ninh, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm, bền vững nguồn nước. Khuyến khích phát triển nông nghiệp tuần hoàn, tái sử dụng phụ phẩm, áp dụng công nghệ mới, tiên tiến, thân thiện môi trường; thu hút doanh nghiệp đầu tư xử lý nước thải, chất thải rắn, trước hết là tại các làng nghề, cụm công nghiệp, dịch vụ, khu xử lý rác tập trung.

- Cập nhật kịch bản biến đổi khí hậu, nước biển dâng tới từng vùng, địa phương; hướng dẫn người dân

và doanh nghiệp chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu. Xây dựng chính sách, lộ trình thực hiện giảm phát thải khí nhà kính, khí mêtan trong nông nghiệp phù hợp với cam kết quốc tế. Chủ động phòng, chống thiên tai, sử dụng đồng bộ, hiệu quả các biện pháp công trình và phi công trình; phát huy vai trò của cộng đồng dân cư.

Câu hỏi 27: Nội dung cụ thể của nhiệm vụ, giải pháp chủ động hội nhập, hợp tác quốc tế, mở rộng thị trường, thu hút nguồn lực và đẩy mạnh chuyển giao khoa học - công nghệ?

Trả lời:

- Chú trọng phát triển thị trường nông sản trong nước, chủ động khai thác hiệu quả cơ hội từ các hiệp định thương mại tự do (FTA), giữ ổn định các thị trường truyền thống, mở rộng và đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, tránh phụ thuộc vào một số ít thị trường. Có giải pháp căn cơ để khắc phục hiệu quả, kịp thời tình trạng tiêu thụ khó khăn và ứ đọng nông sản xuất khẩu qua biên giới. Chuyển mạnh từ xuất khẩu tiểu ngạch sang chính ngạch; khẩn trương xây dựng các trung tâm phân phối, trung chuyển hàng hóa, hệ thống kho, phương tiện bảo quản... Chủ động phòng, chống gian lận thương mại; có các biện pháp phòng vệ phù hợp với cam kết

quốc tế và kịp thời xử lý tranh chấp thương mại phát sinh.

- Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn, nguồn tài trợ của các nước, các tổ chức và cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế cho phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn; thu hút có chọn lọc các dự án đầu tư nước ngoài vào nông nghiệp, nông thôn; khuyến khích đầu tư vào phát triển công nghiệp, dịch vụ ở nông thôn.

- Mở rộng hợp tác quốc tế, chuyển giao công nghệ mới, tiên tiến, nhất là công nghệ chế biến, bảo quản, công nghệ giống, công nghệ môi trường, tái sử dụng phụ phẩm. Tăng cường hợp tác quốc tế trong ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh nguồn nước, phòng, chống dịch bệnh, ô nhiễm môi trường xuyên biên giới.

Câu hỏi 28: Nội dung cụ thể của nhiệm vụ, giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp ở nông thôn?

Trả lời:

- Tăng cường vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo

triển khai thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát, bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa các bộ, ban, ngành Trung ương với địa phương.

- Phát huy quyền làm chủ của người dân ở cơ sở, tạo điều kiện để người dân tích cực tham gia các hoạt động giám sát, phản biện xã hội, góp phần xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Xây dựng Hội Nông dân Việt Nam vững mạnh, thực sự là tổ chức đại diện cho quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của nông dân; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho nông dân. Phát huy vai trò, tạo điều kiện cho Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp và các tổ chức cộng đồng dân cư tham gia phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

Chuyên đề 3

**TIẾP TỤC ĐỔI MỚI, PHÁT TRIỂN VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ
KINH TẾ TẬP THỂ TRONG GIAI ĐOẠN MỚI**

Câu hỏi 29: Những kết quả đạt được nổi bật trong thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18/3/2002 của Hội nghị Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể?

Trả lời:

Sau hơn 20 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 5 khóa IX, khu vực kinh tế tập thể nước ta có những chuyển biến tích cực. Cụ thể là:

- Nhận thức về phát triển kinh tế tập thể, mà trọng tâm là hợp tác xã trong hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân được nâng lên.

- Chính sách, pháp luật về kinh tế tập thể được quan tâm xây dựng, hoàn thiện phù hợp với từng giai đoạn phát triển. Hợp tác xã đã cơ bản hoàn thành

việc chuyển đổi sang mô hình kiểu mới theo quy định của pháp luật.

- Số lượng hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thành lập mới tăng đáng kể, phát triển đa dạng hơn về ngành nghề, quy mô và trình độ, hỗ trợ tốt hơn cho các thành viên, tạo việc làm và nâng cao thu nhập thường xuyên cho người lao động. Tổ hợp tác với cơ cấu tổ chức gọn nhẹ, nội dung hoạt động đơn giản nhưng thiết thực, đáp ứng tốt hơn nhu cầu liên kết linh hoạt và mang tính ngắn hạn của người dân.

- Liên kết giữa các hợp tác xã với nhau, với doanh nghiệp và với các tổ chức kinh tế khác bước đầu phát triển.

- Khu vực kinh tế tập thể cơ bản đã khắc phục được tình trạng yếu kém kéo dài, góp phần xây dựng nông thôn mới, bảo đảm an sinh, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, từng bước khẳng định vị trí, vai trò quan trọng trong nền kinh tế quốc dân.

Câu hỏi 30: Những hạn chế trong thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể?

Trả lời:

Bên cạnh những kết quả đạt được trong thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 5

khóa IX, kinh tế tập thể của nước ta đến nay chưa phát triển như mục tiêu, yêu cầu Nghị quyết đề ra. Cụ thể là:

- Đổi mới và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể còn nhiều khó khăn. Tốc độ tăng trưởng, tỷ trọng đóng góp của khu vực kinh tế tập thể vào GDP còn thấp và có xu hướng giảm.

- Hợp tác xã phát triển không đồng đều giữa các địa phương, vùng, miền, giữa khu vực nông nghiệp và phi nông nghiệp.

- Số lượng hợp tác xã tuy tăng, nhưng số lượng thành viên bình quân trong hợp tác xã có xu hướng giảm; không ít thành viên tham gia hoạt động của hợp tác xã còn hình thức, chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ trong hợp tác xã. Năng lực nội tại của hợp tác xã còn yếu, hiệu quả hoạt động chưa cao, mô hình tổ chức lỏng lẻo, chưa phù hợp, trình độ cán bộ quản lý hợp tác xã còn hạn chế.

- Phần lớn hợp tác xã, tổ hợp tác có quy mô nhỏ, vốn ít, phạm vi hoạt động hẹp, năng lực cạnh tranh, lợi ích mang lại cho thành viên thấp; tính liên kết trong nội bộ hợp tác xã còn rất yếu; vấn đề nợ của hợp tác xã, tình trạng chiếm dụng vốn chưa được xử lý dứt điểm.

- Các hoạt động liên doanh, liên kết giữa các hợp tác xã và giữa hợp tác xã với các tổ chức kinh tế khác chưa phổ biến.

- Số lượng liên hiệp hợp tác xã ít; tổ chức và hoạt động của tổ hợp tác thiếu ổn định; nhiều hợp tác xã chuyển đổi, tổ chức lại mang tính hình thức, chưa thực sự chuyển biến về chất.

Câu hỏi 31: Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém trong thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể?

Trả lời:

Những hạn chế, yếu kém nêu trên có cả nguyên nhân khách quan và chủ quan, trong đó nguyên nhân chủ quan là chủ yếu:

- Nhận thức của nhiều cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên và nhân dân về bản chất, vị trí, vai trò của nền kinh tế tập thể trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chưa đầy đủ, thiếu thống nhất, còn bị chi phối, ảnh hưởng bởi định kiến về mô hình hợp tác xã thời kỳ bao cấp; hoài nghi về sự thành công của kinh tế tập thể.

- Việc lãnh đạo, chỉ đạo của nhiều cấp ủy đảng, chính quyền còn hình thức, chưa thực sự quan tâm,

thiếu quyết liệt. Công tác hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết hiệu quả chưa cao.

- Việc tổng kết lý luận và thực tiễn về kinh tế tập thể, hợp tác xã chưa kịp thời; khung khổ pháp lý, trong đó có Luật hợp tác xã còn nhiều vướng mắc, bất cập, chậm được sửa đổi, bổ sung.

- Chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho kinh tế tập thể tuy nhiều nhưng dàn trải, phân tán, chủ yếu là lồng ghép, thiếu tập trung, chưa thống nhất, thiếu nguồn lực hoặc không khả thi.

- Đánh giá về hiệu quả và đóng góp của kinh tế tập thể trong nền kinh tế chưa đầy đủ dẫn đến hạ thấp vai trò, vị trí của thành phần kinh tế tập thể trong nền kinh tế quốc dân.

- Công tác quản lý nhà nước về kinh tế tập thể thiếu thống nhất, một số nơi buông lỏng hoặc can thiệp quá sâu; thanh tra, kiểm tra việc thực thi pháp luật về kinh tế tập thể chưa thường xuyên. Bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế tập thể chưa được kiện toàn, còn nhiều bất cập, không thống nhất, thiếu chặt chẽ, phân tán, chưa hiệu quả.

- Đội ngũ cán bộ hợp tác xã còn yếu, chưa được đào tạo chuyên sâu. Một số hợp tác xã chưa tuân thủ nguyên tắc hoạt động theo quy định của pháp luật; thành viên hợp tác xã vẫn còn tâm lý ỷ lại, dựa dẫm hoặc trông chờ hỗ trợ của Nhà nước.

Câu hỏi 32: Quan điểm chỉ đạo về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới?

Trả lời:

Nghị quyết xác định rõ năm quan điểm chỉ đạo:

Một là, quan điểm về bản chất, vị trí, vai trò của kinh tế tập thể.

- Kinh tế tập thể là thành phần kinh tế quan trọng, phải được củng cố và phát triển, cùng kinh tế nhà nước trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân.

- Phát triển kinh tế tập thể là xu thế trong bối cảnh hội nhập quốc tế, phù hợp với kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; xuất phát từ nhu cầu thiết thực, bảo vệ lợi ích và tạo điều kiện cho thành viên sản xuất kinh doanh hiệu quả, phát triển bền vững.

- Phát triển kinh tế tập thể phải tôn trọng bản chất, giá trị, nguyên tắc hoạt động của kinh tế tập thể, phù hợp với điều kiện, đặc điểm kinh tế - xã hội của từng địa phương, vùng, miền và cả nước.

Hai là, quan điểm về hình thức của kinh tế tập thể.

- Kinh tế tập thể với nhiều hình thức tổ chức, hợp tác đa dạng, phát triển từ thấp đến cao (tổ hợp tác,

hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã,...), trong đó hợp tác xã là nòng cốt.

- Tăng cường liên kết giữa các hợp tác xã, hình thành các liên hiệp hợp tác xã, không giới hạn về quy mô, lĩnh vực và địa bàn.

- Kinh tế tập thể lấy lợi ích kinh tế là trọng tâm, bao gồm lợi ích của thành viên, tập thể và Nhà nước, đồng thời coi trọng lợi ích chính trị, văn hóa, xã hội trên địa bàn.

Ba là, quan điểm về hoạt động của kinh tế tập thể.

- Kinh tế tập thể phát triển dựa trên sở hữu riêng của thành viên và sở hữu chung của tập thể; tổ chức hoạt động theo nguyên tắc đối nhân, không phụ thuộc vào vốn góp; phân phối theo mức độ tham gia dịch vụ, theo hiệu quả lao động và theo vốn góp.

- Thành viên kinh tế tập thể bao gồm các thể nhân và pháp nhân, thành viên chính thức và thành viên liên kết, cùng góp vốn, góp tài sản, góp sức trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, cùng có lợi và quản lý dân chủ.

- Khuyến khích việc tích lũy và sử dụng có hiệu quả vốn, tài sản chung trong tổ chức kinh tế tập thể.

Bốn là, quan điểm về định hướng phát triển kinh tế tập thể.

- Phát triển kinh tế tập thể cả về số lượng và chất lượng, trong đó chú trọng chất lượng, bảo đảm sự hài hòa trong tất cả các ngành, lĩnh vực, địa bàn; có chính sách ưu tiên cho các tổ chức kinh tế tập thể trong lĩnh vực nông nghiệp, gắn hoạt động sản xuất kinh doanh với chuỗi giá trị sản phẩm, ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; ưu tiên phát triển các tổ chức kinh tế tập thể gắn với phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế tri thức.

- Đánh giá hiệu quả kinh tế tập thể toàn diện về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, hiệu quả của tổ chức và của thành viên.

Năm là, quan điểm về trách nhiệm của các chủ thể.

- Phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của kinh tế tập thể là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị. Cấp ủy đảng, chính quyền các cấp trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo, coi đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng, thường xuyên.

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và các tổ chức đại diện phối hợp chặt chẽ trong việc

tuyên truyền, vận động quần chúng tham gia phát triển kinh tế tập thể.

Câu hỏi 33: Mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể, tầm nhìn về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới?

Trả lời:

- Mục tiêu tổng quát là:

Phát triển kinh tế tập thể năng động, hiệu quả, bền vững, cùng với kinh tế nhà nước trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân với nhiều mô hình hợp tác, liên kết trên cơ sở tôn trọng bản chất, giá trị và nguyên tắc của kinh tế tập thể, thu hút ngày càng nhiều nông dân, hộ gia đình, cá nhân và tổ chức tham gia; góp phần nâng cao thu nhập và chất lượng cuộc sống của các thành viên, hộ gia đình, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững đất nước, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

- Mục tiêu cụ thể đến năm 2030 là:

+ Cả nước có khoảng 140.000 tổ hợp tác với 2 triệu thành viên; 45.000 hợp tác xã với 8 triệu thành viên; 340 liên hiệp hợp tác xã với 1.700 hợp tác xã thành viên.

+ Bảo đảm trên 60% tổ chức kinh tế tập thể đạt loại tốt, khá, trong đó có ít nhất 50% tham gia liên kết theo chuỗi giá trị. Có trên 5.000 hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; phát triển các chuỗi giá trị nông sản hàng hóa gắn với liên kết sản xuất, cung cấp dịch vụ chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; đẩy mạnh tham gia vào các chuỗi cung ứng đưa sản phẩm nông nghiệp xuất khẩu trực tiếp ra nước ngoài.

- Mục tiêu đến năm 2045 là:

+ Phần đầu thu hút tối thiểu 20% dân số tham gia các tổ chức kinh tế tập thể. Mở rộng quy mô hoạt động của các tổ chức kinh tế tập thể, chất lượng hoạt động ngang tầm các nước trong khu vực và trên thế giới.

+ Bảo đảm trên 90% tổ chức kinh tế tập thể hoạt động hiệu quả, trong đó có ít nhất 75% tham gia các chuỗi liên kết.

+ Phần đầu có ít nhất 3 tổ chức kinh tế tập thể nằm trong bảng xếp hạng 300 hợp tác xã lớn nhất toàn cầu do Liên minh Hợp tác xã quốc tế (ICA) công nhận.

+ Các tổ chức kinh tế tập thể đều áp dụng công nghệ, nhất là chuyển đổi số vào hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ.

Câu hỏi 34: Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu để tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới?

Trả lời:

Nghị quyết đề ra năm nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu là:

- Nhận thức đúng, đầy đủ về bản chất, vị trí, vai trò và tầm quan trọng của kinh tế tập thể trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể.

- Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các tổ chức kinh tế tập thể.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với kinh tế tập thể.

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp và Liên minh Hợp tác xã Việt Nam đối với phát triển kinh tế tập thể.

Câu hỏi 35: Nội dung cụ thể của nhiệm vụ, giải pháp nhằm nhận thức đúng, đầy đủ về bản chất, vị trí, vai trò và tầm quan trọng của kinh tế tập thể trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa?

Trả lời:

- Tăng cường tuyên truyền, giáo dục nâng cao

nhận thức cho cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu cơ quan, tổ chức và nhân dân về phát triển kinh tế tập thể là yêu cầu và xu thế tất yếu trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Kinh tế tập thể với nhiều hình thức tổ chức đa dạng, kết hợp sức mạnh tập thể với sức mạnh của từng thành viên.

- Xây dựng nội dung và phương pháp tuyên truyền, giáo dục phù hợp với từng đối tượng, bảo đảm thiết thực và hiệu quả, hình thức đa dạng, phong phú; kịp thời khen thưởng, tôn vinh và nhân rộng các tổ chức kinh tế tập thể hoạt động hiệu quả.

Câu hỏi 36: Nội dung cụ thể của nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể?

Trả lời:

- Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định pháp luật về kinh tế tập thể như:

+ Quy định về các loại hình tổ chức kinh tế tập thể, tổ chức đại diện.

+ Quy định về hợp tác xã, phát triển thành viên, về nâng cao khả năng huy động vốn, tăng tích lũy vốn và tài sản chung.

+ Quy định về phát triển doanh nghiệp trong tổ chức kinh tế tập thể.

- Bổ sung đầy đủ cơ sở pháp lý về kiểm toán, các quy định nhằm nâng cao tính minh bạch trong quản lý, điều hành; nâng cao hiệu quả, chất lượng chính sách hỗ trợ, quản lý của Nhà nước đối với kinh tế tập thể.

- Có chính sách hỗ trợ, thu hút nguồn lực, ứng dụng khoa học - công nghệ, phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, nông nghiệp hữu cơ, thích ứng với biến đổi khí hậu, chuyển đổi số, mở rộng thị trường cho kinh tế tập thể, bảo đảm thống nhất, đồng bộ.

- Sửa đổi, bổ sung các chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể theo hướng xác định các tổ chức kinh tế tập thể là chủ thể phù hợp để kết hợp giữa đầu tư của Nhà nước và đầu tư, quản lý của tập thể người dân (đầu tư công - quản trị cộng đồng).

- Nhà nước có cơ chế, chính sách đặc thù cho kinh tế tập thể. Xây dựng chương trình tổng thể về phát triển kinh tế tập thể trên phạm vi toàn quốc.

Một là, chính sách phát triển nguồn nhân lực.

+ Đưa nội dung đào tạo về kinh tế tập thể vào chương trình của một số trường đại học, giảng dạy chính thức trong chương trình đào tạo lý luận chính trị,

chương trình bồi dưỡng quản lý nhà nước cho cán bộ, đảng viên.

+ Chuẩn hóa các chức danh quản lý trong tổ chức kinh tế tập thể (giám đốc, kế toán, kiểm soát).

+ Khuyến khích thu hút cán bộ quản lý và khoa học về công tác tại các tổ chức kinh tế tập thể.

Hai là, chính sách đất đai.

+ Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích các tổ chức kinh tế tập thể tích tụ đất đai, hình thành chuỗi sản xuất, cung cấp dịch vụ chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông, lâm, ngư nghiệp quy mô lớn.

+ Hoàn thiện lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, bố trí quỹ đất cho các tổ chức kinh tế tập thể thuê.

+ Ưu đãi hợp lý về giá và thời gian cho thuê đất đối với các tổ chức kinh tế tập thể chuyển đổi và thành lập mới chưa được hỗ trợ thuê đất, bảo đảm sử dụng đất đai có hiệu quả.

Ba là, chính sách tài chính.

+ Nghiên cứu, rà soát, hoàn thiện chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với tổ chức kinh tế tập thể.

+ Hỗ trợ phí kiểm toán, hỗ trợ bảo hiểm nông nghiệp đối với các tổ chức kinh tế tập thể.

Bốn là, chính sách tín dụng.

+ Các tổ chức kinh tế tập thể được vay vốn,

được hỗ trợ để phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm bền vững.

+ Nâng cao năng lực tài chính, quản trị điều hành, các tiêu chuẩn, điều kiện cấp tín dụng, tăng khả năng tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng đối với các dự án sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

+ Phát huy vai trò của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã trong việc hỗ trợ các tổ chức kinh tế tập thể vay vốn với lãi suất ưu đãi, hỗ trợ lãi suất sau đầu tư và bảo lãnh tín dụng đầu tư, bảo đảm công khai, minh bạch.

Năm là, chính sách khoa học và công nghệ.

+ Nhà nước hỗ trợ kinh phí cho việc cung cấp dịch vụ tư vấn về quản lý và khoa học - công nghệ cho các tổ chức kinh tế tập thể trên cơ sở nhu cầu và theo hợp đồng được ký kết với cơ sở cung cấp dịch vụ tư vấn.

+ Hỗ trợ các tổ chức kinh tế tập thể đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số; ứng dụng, nâng cao trình độ khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo; được vay vốn từ Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia và của các bộ, ngành, địa phương.

Sáu là, chính sách hỗ trợ về thông tin kinh tế, kỹ năng tiếp thị và nghiên cứu thị trường.

Hỗ trợ các tổ chức kinh tế tập thể tiếp cận, nghiên cứu, khảo sát thị trường; xây dựng, đăng ký

thương hiệu; đăng ký sản phẩm thương mại; tham gia hội chợ, triển lãm ở trong và ngoài nước.

Bảy là, chính sách đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng.

+ Tổ chức kinh tế tập thể được hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ lợi ích chung của cộng đồng thành viên hoặc là nơi tiếp nhận/triển khai các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng của Nhà nước vì mục tiêu phát triển cộng đồng.

+ Hỗ trợ của Nhà nước là tài sản chung không chia khi thành viên ra khỏi tổ chức kinh tế tập thể hoặc tổ chức kinh tế tập thể giải thể, phá sản.

Tám là, chính sách bảo hiểm xã hội.

Thực hiện bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với người lao động và thành viên của các tổ chức kinh tế tập thể làm việc theo hợp đồng, hưởng tiền lương, tiền công theo quy định của pháp luật; các thành viên khác không tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc thì tạo điều kiện để tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện.

Câu hỏi 37: Nội dung cụ thể của nhiệm vụ, giải pháp đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các tổ chức kinh tế tập thể?

Trả lời:

- Có chính sách phù hợp để tập trung giải quyết

dứt điểm các vấn đề tồn đọng của kinh tế tập thể gồm:

+ Nợ tồn đọng kéo dài trong hợp tác xã; các quan hệ về tài sản của hợp tác xã, đặc biệt là những tài sản liên quan đến đất đai.

+ Rà soát, sắp xếp lại các hợp tác xã hoạt động không hiệu quả; xử lý dứt điểm các hợp tác xã ngừng hoạt động, chờ giải thể và các hợp tác xã chưa chuyển đổi, tổ chức lại theo quy định của pháp luật; cơ cấu lại các hợp tác xã tín dụng, nhất là xử lý một số hợp tác xã tín dụng yếu kém.

- Phát huy tinh thần dân chủ, tự nguyện, tự chủ, tự chịu trách nhiệm của thành viên trong các tổ chức kinh tế tập thể; kết hợp động lực kinh tế với động lực tinh thần, khơi dậy phong trào quần chúng nhân dân tham gia phát triển kinh tế tập thể.

- Khuyến khích mở rộng thành viên, đa dạng hóa các loại thành viên trong tổ chức kinh tế tập thể theo nhu cầu, khả năng đóng góp và mức độ tham gia.

- Khuyến khích việc tăng vốn góp và vốn huy động từ thành viên để thực hiện hoạt động tín dụng nội bộ, thành lập doanh nghiệp tại những tổ chức kinh tế tập thể có đủ điều kiện; nghiên cứu

ủy thác một số dịch vụ công cho các tổ chức kinh tế tập thể; khuyến khích liên kết kinh tế giữa các tổ chức kinh tế tập thể hoạt động trong cùng ngành, lĩnh vực; nghiên cứu, xây dựng thí điểm một số liên đoàn hợp tác xã hoạt động chuyên môn hóa cao trong một số ngành, lĩnh vực.

- Tăng cường liên kết giữa tổ chức kinh tế tập thể với các tổ chức thuộc thành phần kinh tế khác, đặc biệt là liên kết với doanh nghiệp nhà nước. Doanh nghiệp nhà nước ưu tiên hỗ trợ liên kết, tiêu thụ, sử dụng sản phẩm, dịch vụ, tạo điều kiện cho các tổ chức kinh tế tập thể hoạt động có hiệu quả.

Câu hỏi 38: Nội dung cụ thể của nhiệm vụ, giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với kinh tế tập thể?

Trả lời:

- Tăng cường quản lý nhà nước đối với kinh tế tập thể trong phạm vi cả nước; Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về kinh tế tập thể. Xây dựng bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế tập thể tập trung, thống nhất, xuyên suốt trong chỉ đạo, điều hành từ Trung ương đến địa phương.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý có chuyên môn, nghiệp vụ, có tư tưởng chính trị vững vàng, có năng lực xây dựng và tổ chức thực hiện hiệu quả pháp luật, cơ chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch để kinh tế tập thể phát triển lành mạnh, đúng định hướng.

- Tăng cường minh bạch trong quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về kinh tế tập thể, liên thông với hệ thống đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế.

- Tăng cường giám sát, thanh tra, kiểm tra việc chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế tập thể.

- Kiện toàn và nâng cao vai trò của Ban Chỉ đạo quốc gia về kinh tế tập thể, tạo sự thống nhất, đồng bộ, xuyên suốt, toàn diện trong lãnh đạo, chỉ đạo, phối hợp, điều hành, tổ chức thực hiện.

- Tăng cường phối hợp giữa các cơ quan liên quan trong việc xây dựng và triển khai các hoạt động đối ngoại và hợp tác quốc tế về phát triển kinh tế tập thể.

- Khẩn trương sửa đổi Luật hợp tác xã năm 2012 và các quy định pháp luật liên quan đến kinh tế tập thể, hợp tác xã.

Câu hỏi 39: Nội dung cụ thể của nhiệm vụ, giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp và Liên minh Hợp tác xã Việt Nam đối với phát triển kinh tế tập thể?

Trả lời:

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp tuyên truyền, vận động để hội viên, đoàn viên và nhân dân nắm chắc chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về kinh tế tập thể; phối hợp tổ chức vận động, phát triển các loại hình kinh tế tập thể.

- Đối với các tổ chức kinh tế tập thể có số lượng thành viên lớn, có các tổ chức đoàn thể đang hoạt động, cần quan tâm xây dựng và phát huy vai trò các đoàn thể cùng hội đồng quản trị, ban giám đốc, xây dựng tổ chức kinh tế tập thể phát triển vững mạnh.

- củng cố, tăng cường hoạt động của hệ thống liên minh hợp tác xã và các tổ chức đại diện.

Chuyên đề 4

**TĂNG CƯỜNG CỨNG CỐ, XÂY DỰNG TỔ CHỨC
CƠ SỞ ĐẢNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ
ĐẢNG VIÊN TRONG GIAI ĐOẠN MỚI**

Câu hỏi 40: Những kết quả đạt được trong công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong những năm qua?

Trả lời:

Những năm qua, Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai nhiều chủ trương quan trọng về xây dựng, chỉnh đốn Đảng; cấp ủy, tổ chức đảng các cấp đã lãnh đạo, chỉ đạo, cụ thể hóa, tổ chức thực hiện đạt hiệu quả cao. Cụ thể là:

- Công tác xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh được đẩy mạnh; tổ chức cơ sở đảng tiếp tục được củng cố, kiện toàn, bổ sung chức năng,

nhiệm vụ, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng ở cơ sở, gắn với xây dựng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

- Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cấp ủy viên, bí thư cấp ủy cơ sở được quan tâm. Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu, tinh thần tự phê bình và phê bình, chất lượng sinh hoạt đảng, công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, quản lý đảng viên, đánh giá, xếp loại, kiểm tra, giám sát, khen thưởng, kỷ luật,... của nhiều cấp ủy, đảng bộ, chi bộ cơ sở được nâng lên.

- Công tác phát triển đảng viên được chú trọng; số lượng đảng viên nữ, trẻ, người dân tộc thiểu số, người theo tôn giáo, chủ doanh nghiệp tư nhân tăng.

- Chất lượng đội ngũ đảng viên chuyển biến tích cực, trình độ học vấn, chuyên môn, lý luận chính trị được nâng cao hơn. Phần lớn đội ngũ đảng viên luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, có ý thức rèn luyện bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống, tự phê bình và phê bình, tiên phong, gương mẫu, xây dựng mối quan hệ mật thiết với nhân dân.

Những kết quả đạt được nêu trên có ý nghĩa quan trọng trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi những biểu hiện suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, nâng cao

năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên, phát huy tốt vai trò lãnh đạo của Đảng ở cơ sở; góp phần xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, đội ngũ cán bộ, đảng viên có bản lĩnh chính trị vững vàng, có năng lực, phẩm chất, uy tín, tăng cường và củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ.

Câu hỏi 41: Những hạn chế, yếu kém trong công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong những năm qua?

Trả lời:

- Chất lượng, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của một số tổ chức cơ sở đảng còn hạn chế; chậm đổi mới phương thức lãnh đạo; chưa kịp thời sửa đổi, bổ sung quy chế làm việc; thực hiện chưa nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ; chất lượng sinh hoạt chi bộ, đảng bộ cơ sở, sinh hoạt cấp ủy, tinh thần tự phê bình và phê bình, công tác đánh giá, xếp loại còn hạn chế; chưa thể hiện rõ vai trò lãnh đạo của Đảng trong giải quyết những khó khăn, bức xúc của nhân dân ở cơ sở.

- Một số cấp ủy cơ sở chưa nêu cao tinh thần trách nhiệm, thiếu gương mẫu; chưa chủ động,

kip thời kiểm tra tổ chức đảng, đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm; mất sức chiến đấu, dễ xảy ra tiêu cực, tham nhũng, vi phạm kỷ luật đảng, vi phạm pháp luật, làm giảm niềm tin của nhân dân với Đảng.

- Mô hình tổ chức một số loại hình tổ chức cơ sở đảng còn bất cập, chậm được kiện toàn, sắp xếp. Xây dựng tổ chức cơ sở đảng khu vực ngoài nhà nước, nhất là doanh nghiệp tư nhân còn hạn chế, tỷ lệ có tổ chức đảng, đảng viên thấp, vai trò lãnh đạo mờ nhạt, lúng túng cả về nội dung và phương thức hoạt động. Một số tổ chức cơ sở đảng ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, ở ngoài nước... hoạt động còn khó khăn. Một số nơi còn tình trạng “trắng” đảng viên.

- Một bộ phận đảng viên năng lực, trình độ, trách nhiệm chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; phai nhạt lý tưởng cách mạng, thiếu bản lĩnh chính trị, đấu tranh tự phê bình và phê bình yếu; tinh thần trách nhiệm, ý chí phấn đấu giảm sút; chưa gương mẫu, sống thực dụng; suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, vi phạm nguyên tắc, kỷ luật đảng, vi phạm pháp luật.

- Nhận thức về Đảng, động cơ phấn đấu vào Đảng của không ít đảng viên chưa đúng, không trong sáng.

- Cơ cấu đảng viên chưa hợp lý; tỷ lệ đảng viên trẻ chưa tương xứng với tiềm năng.

Câu hỏi 42: Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém trong công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong những năm qua?

Trả lời:

Những hạn chế, yếu kém trong công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên có nguyên nhân khách quan và chủ quan, trong đó nguyên nhân chủ quan là chủ yếu:

- Nhận thức của một số cấp ủy, một bộ phận cán bộ, đảng viên, trong đó có cả cán bộ lãnh đạo, quản lý chưa sâu sắc, toàn diện về vai trò, vị trí, yêu cầu nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên; năng lực lãnh đạo, chỉ đạo của một số cấp ủy chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ.

- Một số tổ chức cơ sở đảng buông lỏng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, chưa nắm chắc diễn biến tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của đảng viên; đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức cơ sở đảng, đảng viên còn biểu hiện nể nang, hình thức, nặng về thành tích; chưa làm tốt công tác quản lý, kiểm tra, giám sát đảng viên, việc chuyển sinh hoạt đảng, xét miễn sinh hoạt đảng còn lỏng lẻo;

chưa thường xuyên rà soát, kiên quyết sàng lọc đưa đảng viên không đủ tư cách ra khỏi Đảng.

- Công tác phát triển đảng viên ở một số nơi còn hạn chế, nặng về số lượng, chưa quan tâm giáo dục lý tưởng cách mạng và rèn luyện, thử thách đối với quần chúng phấn đấu vào Đảng; chất lượng một số đảng viên mới còn hạn chế.

- Một số quy định, hướng dẫn về tổ chức cơ sở đảng, đảng viên chậm được nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung.

Câu hỏi 43: Quan điểm của Đảng về công tác xây dựng, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong thời gian tới?

Trả lời:

Nghị quyết xác định rõ ba quan điểm:

Một là, quan điểm về vị trí, vai trò của tổ chức cơ sở đảng và đảng viên.

- Tổ chức cơ sở đảng là nền tảng của Đảng, hạt nhân chính trị, cầu nối giữa Đảng với nhân dân, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng ở cơ sở.

- Xây dựng tổ chức cơ sở đảng phải gắn với xây dựng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

- Xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên, lâu dài, liên tục, là trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, đảng viên, góp phần xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị, củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng.

Hai là, quan điểm về củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng.

Nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng phải gắn với xây dựng, chỉnh đốn Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ; đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng; bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, đề cao tính giáo dục, tính chiến đấu trong sinh hoạt đảng và đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, tiêu cực, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; nâng cao chất lượng đội ngũ cấp ủy viên cơ sở, nhất là bí thư cấp ủy.

Ba là, quan điểm về nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên.

- Đội ngũ đảng viên là nhân tố quyết định năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng.

- Tạo môi trường để đảng viên rèn luyện, phấn đấu, đồng thời mỗi đảng viên phải tự ý thức học tập, rèn luyện nhân cách, đạo đức, phong cách, không ngừng nâng cao bản lĩnh chính trị, tiên phong, gương mẫu, thực hiện nghiêm các nguyên tắc của Đảng và lời thề khi vào Đảng; tăng cường mối quan hệ mật thiết với nhân dân và chịu sự giám sát của nhân dân.

- Coi trọng chất lượng phát triển đảng viên, quan tâm phát triển đảng viên trong đoàn viên thanh niên và công đoàn, hội viên ưu tú, quần chúng tiêu biểu, nhất là ở địa bàn khó khăn, miền núi, biên giới, hải đảo, khu vực kinh tế ngoài nhà nước, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Thường xuyên rà soát, sàng lọc, kiên quyết đưa đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng.

Câu hỏi 44: Mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể của công tác xây dựng, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên?

Trả lời:

- Mục tiêu tổng quát là:

+ Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong việc nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức

cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên, góp phần xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị ở cơ sở trong sạch, vững mạnh, tăng cường niềm tin của nhân dân đối với Đảng.

+ Xây dựng đội ngũ cấp ủy viên, nhất là bí thư cấp ủy đủ phẩm chất, năng lực, uy tín lãnh đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ chính trị của tổ chức cơ sở đảng.

+ Nâng cao chất lượng phát triển đảng viên đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn mới.

- *Mục tiêu cụ thể là:*

Đến năm 2025:

+ Hằng năm có trên 90% tổ chức cơ sở đảng, đảng viên được đánh giá, xếp loại từ hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; phấn đấu 100% thôn, bản có đảng viên.

+ Tỷ lệ kết nạp đảng viên mới hằng năm trong giai đoạn 2020 - 2025 đạt 3 - 4% tổng số đảng viên.

Đến năm 2030:

+ Hằng năm có trên 90% tổ chức cơ sở đảng, đảng viên được đánh giá, xếp loại từ hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; phấn đấu 100% thôn, bản, tổ dân phố có chi bộ.

+ Tỷ lệ kết nạp đảng viên mới hằng năm trong giai đoạn 2025 - 2030 đạt 3 - 4% tổng số đảng viên.

Câu hỏi 45: Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu của công tác xây dựng, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong thời gian tới?

Trả lời:

Nghị quyết đề ra bốn nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu của công tác xây dựng, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong thời gian tới là:

- củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng.

- Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân tham gia xây dựng, nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên.

Câu hỏi 46: Nội dung cụ thể của nhiệm vụ, giải pháp củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng?

Trả lời:

- Đổi mới, hoàn thiện tổ chức các loại hình tổ chức cơ sở đảng.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện và thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, mối quan hệ công tác của các loại hình tổ chức cơ sở đảng.

- Đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng; nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ.

- Nâng cao bản lĩnh chính trị, năng lực lãnh đạo, kỹ năng và nghiệp vụ công tác đảng cho đội ngũ cấp ủy viên cơ sở.

Câu hỏi 47: Nội dung cụ thể của nhiệm vụ, giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên?

Trả lời:

- Đổi mới, tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, rèn luyện, nâng cao bản lĩnh chính trị cho đảng viên.

- Tăng cường công tác quản lý đảng viên; kịp thời rà soát, sàng lọc đưa ra khỏi Đảng những đảng viên không đủ tư cách.

- Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng công tác kết nạp đảng viên.

Câu hỏi 48: Nội dung cụ thể của nhiệm vụ, giải pháp tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng?

Trả lời:

- Coi trọng tự kiểm tra, giám sát của cấp ủy,

tổ chức cơ sở đảng; kết hợp kiểm tra, giám sát thường xuyên với kiểm tra, giám sát theo chuyên đề. Nội dung kiểm tra, giám sát tập trung vào việc thực hiện Điều lệ Đảng, chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ, đoàn kết nội bộ, sinh hoạt đảng, thực hiện nhiệm vụ công tác, trách nhiệm nêu gương, quy định về những điều đảng viên không được làm...

- Tăng cường kiểm tra, giám sát của cấp ủy và ủy ban kiểm tra cấp trên đối với tổ chức cơ sở đảng. Đồng thời, tăng cường công tác chỉ đạo, hướng dẫn của ủy ban kiểm tra cấp trên đối với cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra cấp ủy cơ sở về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng; kịp thời xử lý kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm.

Câu hỏi 49: Nội dung cụ thể của nhiệm vụ, giải pháp phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân tham gia xây dựng, nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên?

Trả lời:

- Cấp ủy cơ sở phải quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội. Xây dựng mối quan hệ mật thiết giữa tổ chức cơ sở đảng, đảng viên với nhân dân; lấy kết quả

công việc, sự hài lòng và tín nhiệm của nhân dân làm tiêu chí quan trọng để đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng, cán bộ, đảng viên.

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và hội quần chúng động viên nhân dân tích cực tham gia đóng góp ý kiến, giám sát việc nêu gương, tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên ở nơi làm việc và nơi cư trú, nhất là đảng viên là người đứng đầu, cán bộ lãnh đạo, quản lý; tham gia xây dựng tổ chức cơ sở đảng, đảng viên trong sạch, vững mạnh; đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, phát hiện, lựa chọn nhân tố tích cực trong cán bộ, đoàn viên, hội viên, quần chúng, người có uy tín để giới thiệu cho Đảng.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời giới thiệu</i>	5

Chuyên đề 1

TIẾP TỤC ĐỔI MỚI, HOÀN THIÊN THỂ CHẾ, CHÍNH SÁCH, NÂNG CAO HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG ĐẤT, TẠO ĐỘNG LỰC ĐƯA NƯỚC TA TRỞ THÀNH NƯỚC PHÁT TRIỂN, CÓ THU NHẬP CAO	7
--	---

<i>Câu hỏi 1:</i> Những kết quả đạt được trong thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 31/10/2012 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XI về tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại?	7
--	---

- Câu hỏi 2:* Những hạn chế trong thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 khóa XI? 9
- Câu hỏi 3:* Nguyên nhân của những hạn chế trong thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 khóa XI? 11
- Câu hỏi 4:* Quan điểm của Đảng về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển, có thu nhập cao? 12
- Câu hỏi 5:* Mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển, có thu nhập cao? 16
- Câu hỏi 6:* Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển, có thu nhập cao? 18
- Câu hỏi 7:* Nội dung cụ thể của nhiệm vụ, giải pháp thống nhất nhận thức trong cán bộ, đảng viên và nhân dân về quản lý và

- sử dụng đất trong nền kinh tế thị trường
định hướng xã hội chủ nghĩa? 19
- Câu hỏi 8:* Nội dung cụ thể của nhiệm vụ, giải
pháp hoàn thiện thể chế, chính sách
quản lý và sử dụng đất đồng bộ với thể
chế phát triển nền kinh tế thị trường
định hướng xã hội chủ nghĩa? 20
- Câu hỏi 9:* Nội dung cụ thể của nhiệm vụ, giải
pháp đẩy mạnh cải cách hành chính,
chuyển đổi số và nâng cao năng lực quản
lý nhà nước về đất đai? 26
- Câu hỏi 10:* Nội dung cụ thể của nhiệm vụ,
giải pháp đổi mới, tăng cường công tác
thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm soát
xử lý vi phạm; giải quyết tranh chấp,
khiếu nại, tố cáo liên quan đến đất đai;
siết chặt kỷ luật, kỷ cương, phòng, chống
tham nhũng, tiêu cực? 27
- Câu hỏi 11:* Nội dung cụ thể của nhiệm vụ,
giải pháp tập trung giải quyết cơ bản
những hạn chế, khuyết điểm, vướng mắc
kéo dài liên quan đến quản lý và sử
dụng đất? 28
- Câu hỏi 12:* Nội dung cụ thể của nhiệm vụ,
giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của

Đảng; phát huy vai trò của Mặt trận
Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị -
xã hội và nhân dân trong quản lý và sử
dụng đất? 29

Chuyên đề 2

NÔNG NGHIỆP, NÔNG DÂN,
NÔNG THÔN ĐẾN NĂM 2030,
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045 31

Câu hỏi 13: Những kết quả đạt được trong
thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày
05/8/2008 của Hội nghị Trung ương 7
khóa X về nông nghiệp, nông dân,
nông thôn? 31

Câu hỏi 14: Những hạn chế, yếu kém trong
thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW của
Hội nghị Trung ương 7 khóa X về nông
nghiệp, nông dân, nông thôn? 33

Câu hỏi 15: Nguyên nhân của những hạn chế,
yếu kém trong thực hiện Nghị quyết số
26-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 7
khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn? 34

Câu hỏi 16: Quan điểm của Đảng về nông
nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm
2030, tầm nhìn đến năm 2045? 35

- Câu hỏi 17:* Mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030? 39
- Câu hỏi 18:* Tầm nhìn về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2045? 41
- Câu hỏi 19:* Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu về nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong thời gian tới? 41
- Câu hỏi 20:* Nội dung cụ thể của nhiệm vụ, giải pháp nâng cao vai trò, vị thế, năng lực làm chủ, cải thiện toàn diện đời sống vật chất, tinh thần của nông dân và cư dân nông thôn? 43
- Câu hỏi 21:* Nội dung cụ thể của nhiệm vụ, giải pháp phát triển nền nông nghiệp hiệu quả, bền vững theo hướng sinh thái, ứng dụng khoa học - công nghệ tiên tiến, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng? 44
- Câu hỏi 22:* Nội dung cụ thể của nhiệm vụ, giải pháp phát triển mạnh công nghiệp, dịch vụ, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm tại chỗ cho lao động nông thôn? 47
- Câu hỏi 23:* Nội dung cụ thể của nhiệm vụ, giải pháp xây dựng nông thôn theo hướng hiện đại gắn với đô thị hóa? 48

- Câu hỏi 24:* Nội dung cụ thể của nhiệm vụ, giải pháp hoàn thiện thể chế, chính sách về nông nghiệp, nông dân, nông thôn? 49
- Câu hỏi 25:* Nội dung cụ thể của nhiệm vụ, giải pháp tạo đột phá trong nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; đào tạo nhân lực trong nông nghiệp, nông thôn? 51
- Câu hỏi 26:* Nội dung cụ thể của nhiệm vụ, giải pháp quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường nông thôn, nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai? 53
- Câu hỏi 27:* Nội dung cụ thể của nhiệm vụ, giải pháp chủ động hội nhập, hợp tác quốc tế, mở rộng thị trường, thu hút nguồn lực và đẩy mạnh chuyển giao khoa học - công nghệ? 54
- Câu hỏi 28:* Nội dung cụ thể của nhiệm vụ, giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp ở nông thôn? 55

Chuyên đề 3

TIẾP TỤC ĐỔI MỚI, PHÁT TRIỂN
VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ KINH TẾ
TẬP THỂ TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

57

Câu hỏi 29: Những kết quả đạt được nổi bật trong thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18/3/2002 của Hội nghị Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể?

57

Câu hỏi 30: Những hạn chế trong thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể?

58

Câu hỏi 31: Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém trong thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể?

60

Câu hỏi 32: Quan điểm chỉ đạo về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới?

62

Câu hỏi 33: Mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể, tầm nhìn về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới?

65

- Câu hỏi 34:* Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu để tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới? 67
- Câu hỏi 35:* Nội dung cụ thể của nhiệm vụ, giải pháp nhằm nhận thức đúng, đầy đủ về bản chất, vị trí, vai trò và tầm quan trọng của kinh tế tập thể trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa? 67
- Câu hỏi 36:* Nội dung cụ thể của nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể? 68
- Câu hỏi 37:* Nội dung cụ thể của nhiệm vụ, giải pháp đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các tổ chức kinh tế tập thể? 72
- Câu hỏi 38:* Nội dung cụ thể của nhiệm vụ, giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với kinh tế tập thể? 74
- Câu hỏi 39:* Nội dung cụ thể của nhiệm vụ, giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp và Liên minh Hợp tác xã Việt Nam đối với phát triển kinh tế tập thể? 76

Chuyên đề 4

TĂNG CƯỜNG CÙNG CỐ, XÂY DỰNG
TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG VÀ NÂNG CAO
CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ ĐẢNG VIÊN
TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

- Câu hỏi 40:* Những kết quả đạt được trong công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong những năm qua? 77
- Câu hỏi 41:* Những hạn chế, yếu kém trong công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong những năm qua? 77
- Câu hỏi 42:* Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém trong công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong những năm qua? 79
- Câu hỏi 43:* Quan điểm của Đảng về công tác xây dựng, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong thời gian tới? 82
- Câu hỏi 44:* Mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể của công tác xây dựng, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên? 84

- Câu hỏi 45:* Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu của công tác xây dựng, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong thời gian tới? 86
- Câu hỏi 46:* Nội dung cụ thể của nhiệm vụ, giải pháp củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng? 86
- Câu hỏi 47:* Nội dung cụ thể của nhiệm vụ, giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên? 87
- Câu hỏi 48:* Nội dung cụ thể của nhiệm vụ, giải pháp tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng? 87
- Câu hỏi 49:* Nội dung cụ thể của nhiệm vụ, giải pháp phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân tham gia xây dựng, nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên? 88

Chịu trách nhiệm xuất bản
GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
PGS.TS. PHẠM MINH TUẤN

Chịu trách nhiệm nội dung
PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
ThS. PHẠM THỊ THỊNH

Biên tập: ThS. Bùi Thị Ánh Hồng
ThS. Đỗ Phương Mai
Nguyễn Mai Thảo Nhung

Trình bày bìa: Đường Hồng Mai

Chế bản vi tính: Nguyễn Quỳnh Lan

Sửa bản in: Phòng Biên tập kỹ thuật

Đọc sách mẫu: Phương Mai - Thảo Nhung

In 196.545 cuốn, khổ 13 x 19 cm tại Công ty TNHH MTV in Báo Nhân Dân Hà Nội.
Địa chỉ: 15 Hàng Tre – Hoàn Kiếm – Hà Nội.
Số đăng ký xuất bản: 2290-2022/CXBIPH/2-100/CTQG
Quyết định xuất bản số: 1440-QĐ/NXBCTQG ngày 07/7/2022
Mã số ISBN: 978-604-57-7869-2
In xong và nộp lưu chiểu tháng 7 năm 2022.